

Thông tin Thương mại

Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại – Bộ Công Thương

Thông tin chọn lọc, theo yêu cầu của các đơn vị, doanh nghiệp chuyên ngành Sản phẩm gỗ và Hàng thủ công mỹ nghệ

Số 36 ra ngày 06/09/2021

Trong số này:

Trang

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ	THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG TUẦN	2
TRUNG TÂM THÔNG TIN	THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý NGÀNH SẢN PHẨM GỖ VÀ TCMN.	4
CÔNG NGHIỆP VÀ	TÌNH HÌNH XUẤT - NHẬP KHẨU	5
THƯƠNG MẠI -	<i>Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới EU giảm tốc</i>	<i>5</i>
BỘ CÔNG THƯƠNG	<i>Ước tính, xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp tháng 8/2021 giảm mạnh ...</i>	<i>11</i>
Phòng Thông tin	<i>Tình hình xuất khẩu sản phẩm gỗ trong tuần.....</i>	<i>14</i>
Xuất nhập khẩu	<i>Nhập khẩu gỗ tann bì từ EU giảm 7,3% về lượng.....</i>	<i>16</i>
655 Phạm Văn Đồng –	<i>Tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu trong tuần.....</i>	<i>18</i>
Bắc Từ Liêm – Hà Nội	<i>Tháng 8/2021, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ giảm mạnh</i>	<i>21</i>
Bộ phận biên tập:	<i>Xuất khẩu hàng gốm sứ mỹ nghệ trong kỳ.....</i>	<i>24</i>
Tel: (024) 22192875	THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ.....	25
Phụ trách nội dung	<i>Indonesia kỳ vọng trở thành quốc gia dẫn đầu ngành công nghiệp đồ</i>	<i>25</i>
ĐD: 0986836889	<i>nội thất và hàng thủ công mỹ nghệ ở ASEAN.....</i>	<i>25</i>
Bộ phận tư vấn thông tin	<i>Tỷ lệ tiêm vắc xin ở Malaysia đã tăng lên và nhà máy sản xuất đồ nội</i>	<i>26</i>
và phát hành:	THAM KHẢO	27
Tel: (024) 37152586	<i>Mỹ gia hạn thời gian ban hành kết luận vụ việc điều tra chống lẩn</i>	<i>27</i>
(024) 37152585	<i>tránh thuế đối với sản phẩm gỗ dán cứng từ Việt Nam.....</i>	<i>27</i>
(024) 37152584	<i>Ai Cập sẽ áp dụng Hệ thống thông quan điện tử một cửa từ ngày</i>	<i>28</i>
Fax: (024) 37152574	<i>1/10/2021.....</i>	<i>28</i>

**Đề nghị không sao chép dưới mọi hình thức.
Doanh nghiệp có ý kiến phản hồi xin gửi về Ban biên tập**

THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG TUẦN

1. Kinh tế thế giới

Kinh tế thế giới tuần qua tiếp tục chứng kiến sự lây lan mạnh mẽ của biến thể Delta tại hàng loạt quốc gia trên toàn cầu. Đến thời điểm này, cùng với tình trạng thiếu vắc xin ngừa Covid-19, có thể nói đây sẽ là nguyên nhân chủ yếu làm “chệch” đà tăng trưởng của kinh tế toàn cầu trong những tháng cuối năm 2021 và xóa nhòa những nỗ lực hồi phục của kinh tế các nước trong 2 quý đầu năm 2021. Tính đến cuối tháng 8/2021, số ca tử vong do Covid-19 trên toàn nước Mỹ đã tăng lên mức cao nhất kể từ giữa tháng 3/2021 và số ca nhiễm mới mỗi ngày trung bình tương đương với mức cuối tháng 1/2021. Cùng với Mỹ, làn sóng dịch bệnh mới tiếp tục lan rộng và ảnh hưởng nghiêm trọng tới nền kinh tế một số quốc gia EU, Bắc Mỹ và nhiều quốc gia châu Á. Theo tính toán của The Economist, kinh tế toàn cầu có thể thiệt hại 2.300 tỷ USD do tốc độ tiêm chủng vaccine chậm, trong đó các nước đang phát triển chịu tổn thất lớn nhất.

Đại dịch Covid-19 bùng phát trở lại làm gián đoạn các chuỗi cung ứng, khiến hoạt động sản xuất và tiêu dùng của hàng loạt quốc gia chậm lại, đe dọa trực tiếp đến đà hồi phục mong manh của kinh tế toàn cầu. Theo những số liệu mới được công bố, cùng với Mỹ, EU, hoạt động sản xuất tháng 8/2021 tại các quốc gia hàng đầu châu Á như Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc đều chững lại do bị gián đoạn bởi tình trạng thiếu chip và các nhà máy đóng cửa - dấu hiệu mới nhất cho thấy ảnh hưởng dai dẳng từ đại dịch Covid-19. Diễn biến này trái ngược với giai đoạn cuối năm 2020, khi mà các nền kinh tế châu Á từng được coi là động lực tăng trưởng toàn cầu. Hiện tốc độ tăng trưởng của các nền kinh tế chủ chốt khu vực châu Á đang dần chậm lại so với các nền kinh tế phát triển khác trong quá trình phục hồi hậu đại dịch do quá trình triển khai tiêm chủng chậm và biến chủng Delta ảnh hưởng chi tiêu dùng, sản xuất.

Tại Mỹ, trong quý II/2021, tác động tích cực của các gói cứu trợ lớn và chiến dịch tiêm vắc xin ngừa Covid-19 góp phần thúc đẩy chi tiêu tiêu dùng và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Theo số liệu mới được Bộ Thương mại Mỹ công bố, GDP của Mỹ trong quý II/2021 tăng 6,6% so với cùng kỳ năm trước, tăng mạnh hơn so với ước tính 6,5% ban đầu và đạt trên mức đỉnh trước đại dịch nhờ hoạt động đầu tư và xuất khẩu gia tăng, trong khi sản lượng hàng nhập khẩu giảm.

Tuy nhiên, kể từ tháng 7/2021 đến nay, sự xuất hiện của biến thể Delta của virus SARS-CoV-2 đang tạm thời khiến hoạt động sản xuất của nhiều doanh nghiệp nước này bị gián đoạn, làm gia tăng chi phí, giảm tốc độ tăng trưởng sản lượng và hạn chế nguồn cung lao động. Số liệu được công bố trong tuần trước đó cho thấy, theo tính toán của IHS Markit, chỉ số nhà quản lý mua hàng (PMI) lĩnh vực sản xuất của Mỹ trong tháng 8/2021 đã giảm xuống 61,2 điểm, thấp hơn so với 63,4 điểm của tháng 7/2021 và thấp hơn con số dự báo là 62,4 điểm. Trong khi đó, chỉ số PMI trong lĩnh vực dịch vụ của doanh nghiệp cũng giảm xuống còn 55,2 điểm, thấp hơn nhiều so với chỉ số 59,9 điểm của tháng 7/2021 và con số dự báo là 59,1 điểm. Trong những tháng cuối năm 2021, nếu lạm phát tiếp tục gia tăng và việc gián đoạn chuỗi cung ứng hiện nay không cải thiện, tăng trưởng của kinh tế Mỹ có thể chậm lại trong giai đoạn cuối năm 2021. Theo báo cáo của Bộ Lao động Mỹ, mặc dù nhiều nhà tuyển dụng vẫn đang gặp khó khăn để tìm đủ nhân sự cho các vị trí trong doanh nghiệp nhưng số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu của kinh tế Mỹ đã tăng 4.000 đơn, lên 353.000 trong tuần kết thúc vào ngày 21/8/2021, cao hơn so với mức ước tính đạt 349 nghìn đơn trước đó. Nguyên nhân chính do nhiều người lao động đang được hưởng trợ cấp thất nghiệp của Chính phủ không muốn quay trở lại nơi làm việc do lo ngại lây lan sóng lây

nhằm của biến thể Delta. Trong những tháng cuối năm 2021, với gói kích thích kinh tế lớn của chính quyền Tổng thống Joe Biden, chiến dịch tiêm chủng vaccine ngừa Covid-19 tiếp tục được triển khai rộng rãi và gói trợ cấp thất nghiệp của Chính phủ sẽ hết hạn vào tháng 9/2021 được kỳ vọng sẽ kéo nhân công quay trở lại thị trường lao động, kinh tế Mỹ đang nỗ lực hồi phục trở lại, bám sát mục tiêu tăng trưởng khoảng 7% trong năm nay, mức tăng mạnh nhất kể từ năm 1984.

Trong khi đó, tại Trung Quốc, nền kinh tế lớn thứ hai thế giới tiếp tục “chững lại” do ảnh hưởng của các biện pháp kiểm soát Covid-19, gián đoạn trong chuỗi cung ứng và giá vật liệu thô tăng. Cụ thể, chỉ số PMI sản xuất theo tính toán của Caixin/Markit chỉ đạt 47,5 điểm trong tháng 8/2021, thấp hơn nhiều so với mức 53,3 điểm của tháng 7/2021. Chỉ số PMI sản xuất chính thức theo công bố của Tổng cục Thống kê của Trung Quốc trong tháng 8/2021 cũng giảm xuống mức 50,1 điểm, thấp hơn so với mức 50,4 điểm trong tháng trước đó. Diễn biến này cho thấy sự thiếu vững chắc trong đà phục hồi kinh tế của Trung Quốc – động lực đã giúp kinh tế thế giới đi lên từ đáy đại dịch.

2. Kinh tế trong nước

Kinh tế trong nước đang trong giai đoạn cao điểm nhằm ngăn chặn làn sóng bùng phát của đại dịch Covid-19 lần thứ 4 với sự lan rộng của biến thể Delta tại hàng loạt tỉnh, thành phố trên cả nước. Những chỉ số kinh tế vĩ mô mới được công bố đã cho thấy bức tranh rõ nét của nền kinh tế với những ảnh hưởng nặng nề khi dịch Covid-19 có những diễn biến phức tạp, khiến nhiều địa phương phải thực hiện giãn cách xã hội để phòng chống dịch bệnh theo Chỉ thị số 16/CT-TTg và một số tỉnh, thành phố buộc phải áp dụng yêu cầu sản xuất chế biến “3 tại chỗ”. Diễn biến này đã và đang ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động sản xuất, thu mua, vận chuyển, tiêu thụ và xuất khẩu của các doanh nghiệp.

Chỉ số sản xuất công nghiệp trong tháng 8/2021 đã giảm 4,2% so với tháng trước và giảm 7,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, sản xuất công nghiệp của các tỉnh phía Nam giảm mạnh, như: Bến Tre giảm 60,1%; Đồng Tháp giảm 59,1%; Thành phố Hồ Chí Minh giảm 49,2%; Vĩnh Long giảm 41,5%... Tính chung 8 tháng năm 2021, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 5,6% so với 8 tháng năm 2020, mặc dù cao hơn tốc độ tăng 2,2% của cùng kỳ năm 2020 nhưng thấp hơn nhiều so với tốc độ tăng 9,5% của cùng kỳ năm 2019. Trong khi đó, chỉ số PMI tháng 8/2021 của Việt Nam chỉ đạt 40,2 điểm, thấp hơn nhiều so với mức 45,1 điểm của tháng trước. Đây là tháng thứ 3 liên tiếp ghi nhận chỉ số PMI giảm và cũng là mức thấp thứ 2 kể từ khi dịch Covid-19 xuất hiện ở Việt Nam. Trong đó, sản lượng, số lượng đơn đặt hàng mới, hoạt động mua hàng và việc làm đều giảm nhanh hơn nhiều so với dự kiến.

Trong lĩnh vực tiêu thụ, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 8/2021 giảm 10,5% so với tháng trước và giảm 33,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng đầu năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng giảm 4,7%.

Trước những khó khăn của hoạt động sản xuất và tiêu dùng, riêng trong tháng 8/2021, số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường lên tới 85,5 nghìn doanh nghiệp, tăng 24,2% so với cùng kỳ năm 2020. Số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 43,2 nghìn doanh nghiệp, chiếm 50,5% tổng số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

Cùng với những trở ngại trong sản xuất và tiêu thụ, chỉ số CPI tháng 8/2021 đã tăng 0,25% so với tháng trước, tăng 2,51% so với tháng 12/2020 và tăng 2,82% so với tháng 8/2020 do giá lương thực, thực phẩm tăng tại các địa phương thực hiện giãn cách xã hội. Tuy nhiên, tính chung 8 tháng năm 2021, CPI mới chỉ tăng 1,79% so với

cùng kỳ năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016.

Trong thời gian tới, với những nỗ lực của Chính phủ và các Bộ, ngành trong việc triển khai hàng loạt biện pháp mạnh tay nhằm đẩy lùi đại dịch, đẩy mạnh tiêm chủng vaccine trên toàn quốc và triển khai các giải pháp đồng bộ các chính sách tháo gỡ khó khăn trong hoạt động vận chuyển, thông thương, giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp trong việc đẩy mạnh tiêu thụ hàng hóa..., kỳ vọng kinh tế trong nước sẽ phục hồi và khởi sắc hơn trong quý IV/2021.

THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý NGÀNH SẢN PHẨM GỖ VÀ TCMN

TRONG NƯỚC:

- Theo ước tính, tháng 8/2021 kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang thị trường EU đạt 28,4 triệu USD, giảm 16,3% so với tháng 8/2020. Tính chung trong 8 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường EU ước đạt 425,3 triệu USD, tăng 28,9% so với cùng kỳ năm 2020. Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường EU giảm tốc do làn sóng dịch Covid-19 lần thứ 4 bùng phát mạnh đang ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất và chế biến của ngành gỗ.
- Theo ước tính, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp trong tháng 8/2021 đạt 60 triệu USD, nâng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này trong 8 tháng đầu năm 2021 đạt 630,7 triệu USD, tăng 41,6% so với cùng kỳ năm 2020.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tuần từ 24/8 đến 30/8 đạt 179,9 triệu USD, giảm 10,9% so với tuần trước. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ đạt 94,5 triệu USD, giảm 16,9% so với tuần trước.
- Nhập khẩu gỗ tần bì của Việt Nam tháng 8/2021 ước đạt 36,7 nghìn m³, trị giá 8,2 triệu USD, giảm 3,4% về lượng và giảm 4,5% về trị giá so với tháng 7/2021; so với tháng 8/2020 giảm 21,7% về lượng và giảm 19,9% về trị giá. Tính chung 8 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu mặt hàng này ước đạt 323,8 nghìn m³, trị giá 75,9 triệu USD, giảm 14,1% về lượng và giảm 8,0% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.
- Trong tuần từ ngày 24/8/2021 đến 30/8/2021, Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu đạt kim ngạch 46 triệu USD, giảm 4,9% so với tuần trước.
- Ước tính, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ trong tháng 8/2021 đạt 12 triệu USD, giảm 38,6% so với tháng 7/2021 và giảm 18,1% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung trong 8 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ ước tính đạt 155,22 triệu USD, tăng 42,1% so với cùng kỳ năm 2020. Tháng 8/2021 xuất khẩu hàng gốm sứ mỹ nghệ giảm mạnh do dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp trên cả nước đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ trong kỳ từ 17/8/2021 đến 30/8/2021 đạt 5,22 triệu USD, giảm 14,3% so với kỳ trước.

QUỐC TẾ:

- **Indonesia:** Ngành nội thất và thủ công mỹ nghệ của Indonesia đạt được kết quả xuất khẩu tốt trong nửa đầu năm 2021. Tuy nhiên, xuất khẩu đồ nội thất tăng thì nhập khẩu đồ nội thất cũng tăng theo.
- **Malaysia:** Theo quy định mới nhất của Malaysia, các nhà máy sản xuất đồ nội thất có thể hoạt động trở lại dựa trên tỷ lệ tiêm phòng của công nhân.

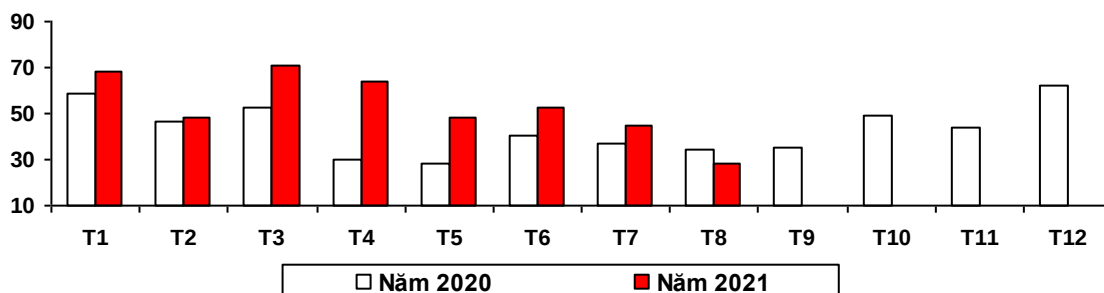
TÌNH HÌNH XUẤT - NHẬP KHẨU

Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới EU giảm tốc

Theo ước tính, tháng 8/2021 kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang thị trường EU đạt 28,4 triệu USD, giảm 16,3% so với tháng 8/2020. Tính chung trong 8 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường EU ước đạt 425,3 triệu USD, tăng 28,9% so với cùng kỳ năm 2020. Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường EU giảm tốc, do làn sóng dịch Covid-19 lần thứ 4 bùng phát mạnh đang ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất và chế biến của ngành gỗ.

Theo tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam tới thị trường EU trong tháng 7/2021 đạt 44,5 triệu USD, tăng 22,1% so với tháng 7/2020. Tính chung trong 7 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường EU đạt 396,9 triệu USD, tăng 34,1% so với cùng kỳ năm 2020.

Việt Nam xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường EU giai đoạn năm 2020 - 2021 (ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Mặc dù ngành gỗ của Việt Nam được hưởng ưu đãi theo EVFTA, nhưng từ khi hiệp định có hiệu lực đến nay, do dịch bệnh liên tục gây trở ngại cho nên xuất khẩu gỗ cũng gặp nhiều thách thức. Vì vậy sau một năm thực thi Hiệp định EVFTA, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường EU vẫn chưa có nhiều bứt phá. Tuy nhiên, trong 7 tháng đầu năm 2021, bất chấp ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường EU vẫn tăng trưởng khả quan. Triển vọng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường EU vẫn còn nhiều cơ hội, cụ thể:

+ Kinh tế toàn khối EU đang có xu hướng tích cực trong bối cảnh các nền kinh tế khu vực đang mở cửa trở lại, chương trình tiêm chủng vắc xin ngừa Covid-19 được đẩy nhanh và quỹ kích thích chung của EU được khởi động để hỗ trợ chính sách tiền tệ nói lỏng.

+ Thị trường xây dựng hoạt động mạnh cũng góp phần thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ đồ nội thất bằng gỗ tại EU tăng mạnh trong thời gian tới.

+ Xu hướng phát triển nhanh chóng trong phương thức bán hàng trực tuyến sẽ hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận, dễ dàng tương tác với người tiêu dùng EU, nắm bắt thị hiếu và đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường này.

+ Lợi thế từ thuế quan để nhập khẩu máy móc thiết bị, công nghệ, nguyên phụ liệu cho sản xuất từ EU theo Hiệp định EVFTA, từ đó giúp doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí; tăng năng suất lao động, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm tại thị trường EU trong thời gian tới.

Tuy nhiên, trong bối cảnh dịch Covid-19 bùng phát mạnh tại nhiều tỉnh thành trên cả nước khiến tình hình sản xuất chế biến gỗ bị ảnh hưởng nặng nề, dẫn tới nguy cơ đứt gãy chuỗi cung ứng, giá cước vận tải tăng cao, đóng cửa nhà máy vì giãn cách xã hội..., điều này sẽ làm gián đoạn hoạt động xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường EU và cản trở đà tăng trưởng trong xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường này. Bên cạnh đó, còn có nguyên nhân chủ quan đến từ các doanh nghiệp. Cụ thể, phần lớn doanh nghiệp hiện nay, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa có năng lực cạnh tranh yếu, giá sản phẩm còn cao, chất lượng thấp so tiêu chuẩn quốc tế. Đồng thời, các doanh nghiệp cũng chưa chú trọng nâng cao trình độ quản trị, chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng, phát triển thương hiệu và chiến lược kinh doanh dài hạn. Dự báo, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường EU trong nửa cuối năm 2021 giảm từ 10 đến 12% so với nửa đầu năm 2021.

Mặt hàng xuất khẩu

Trong cơ cấu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu tới thị trường EU trong 7 tháng đầu năm 2021, đồ nội thất bằng gỗ là mặt hàng có tỷ trọng xuất khẩu tăng khá, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ tới thị trường EU đạt 331,7 triệu USD, tăng 36,3% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất phòng khách và phòng ăn, ghế khung gỗ là 2 mặt hàng chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ. Tốc độ tăng trưởng mạnh nhất là mặt hàng đồ nội thất văn phòng và đồ nội thất nhà bếp.

Ngoài ra, trong 7 tháng đầu năm 2021 còn một số mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu khác như: Kim ngạch xuất khẩu gỗ, ván và ván sàn đạt 42,87 triệu USD, tăng 28,1%; Đồ gỗ mỹ nghệ đạt 4 triệu USD, tăng 101,2%; Cửa gỗ đạt 956 nghìn USD, giảm 27,6% so với cùng kỳ năm 2020.

Mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường EU trong tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2021

Mặt hàng	Tháng 7/2021 (nghìn USD)	So với tháng 7/2020 (%)	7 tháng năm 2021 (nghìn USD)	So với 7 tháng năm 2020 (%)	Tỷ trọng 7 tháng (%)	
					Năm 2021	Năm 2020
Tổng	44.550	22,1	396.933	34,1	100,0	100,0
Đồ nội thất bằng gỗ	36.253	21,6	331.683	36,3	83,6	82,3
<i>Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn</i>	16.507	27,0	162.316	34,6	40,9	40,8
<i>Ghế khung gỗ</i>	12.278	22,8	116.477	32,7	29,3	29,7
<i>Đồ nội thất phòng ngủ</i>	3.853	7,8	27.740	35,7	7,0	6,9
<i>Đồ nội thất nhà bếp</i>	1.796	23,9	13.603	64,3	3,4	2,8
<i>Đồ nội thất văn phòng</i>	1.818	0,8	11.547	83,1	2,9	2,1
Gỗ, ván và ván sàn	5.897	32,3	42.870	28,1	10,8	11,3
Đồ gỗ mỹ nghệ	687	237,0	3.986	101,2	1,0	0,7
Cửa gỗ	50	-72,0	956	-27,6	0,2	0,4
Khung gương	38	35,9	218	30,5	0,1	0,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Thị trường xuất khẩu

Trong 7 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới các thị trường EU đều tăng trưởng khá. Dẫn đầu về kim ngạch xuất khẩu là thị trường Đức đạt 80,3 triệu USD, tăng 16,7% so với cùng kỳ năm 2020, chiếm 20,2% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới EU. Tiếp theo là thị trường Pháp đạt 78,4 triệu USD, tăng

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

29,5%; Hà Lan đạt 63,4 triệu USD, tăng 50%; Bỉ đạt 40,5 triệu USD, tăng 55,7%...

Trong cơ cấu thị trường, Đức và Pháp là hai thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ rất tiềm năng.

Đối với thị trường Đức, trong 7 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Đức khả quan hơn, đạt 80,3 triệu USD, tăng 16,7% so với cùng kỳ năm 2020. Đồ nội thất bằng gỗ là mặt hàng chính xuất khẩu tới thị trường Đức trong 7 tháng đầu năm 2021, chiếm 74,4% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Đức.

Đức là quốc gia có dân số đông nhất và cũng là nền kinh tế phát triển năng động nhất của EU. Đức là cửa ngõ và có vị trí thuận tiện về logistics nên giảm thời gian đơn hàng vào các hệ thống tiêu thụ tại EU. Vì vậy, doanh nghiệp xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam tiếp cận được vào thị trường Đức sẽ có rất nhiều cơ hội để phát triển mạnh sang thị trường EU trong thời gian tới.

Đối với thị trường Pháp, trong 7 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Pháp tăng trưởng mạnh. Tỷ trọng xuất khẩu gỗ sang thị trường này chiếm 19,8% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới Pháp. Người Pháp là những người tiêu dùng lớn đối với đồ nội thất tại thị trường EU. Đặc biệt, hơn một năm nay do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, người Pháp phải ở nhà nhiều hơn, vì vậy dành nhiều thời gian hơn để tân trang lại ngôi nhà và quan tâm nhiều tới các sản phẩm nội thất, nên doanh nghiệp Việt Nam có cơ hội để đẩy mạnh xuất khẩu mặt hàng này tới thị trường Pháp trong thời gian tới.

Gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu tới thị trường EU tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2021

Thị trường	Tháng 7/2021 (nghìn USD)	So với tháng 7/2020 (%)	7 tháng năm 2021 (nghìn USD)	So với 7 tháng năm 2020 (%)	Tỷ trọng 7 tháng (%)	
					Năm 2021	Năm 2020
Tổng	44.550	22,1	396.933	34,1	100,0	100,0
Đức	8.129	20,8	80.251	16,7	20,2	23,2
Pháp	8.977	10,7	78.410	29,5	19,8	20,5
Hà Lan	6.306	4,4	63.447	50,0	16,0	14,3
Bỉ	6.726	45,6	40.500	55,7	10,2	8,8
Đan Mạch	4.945	167,3	29.413	81,8	7,4	5,5
Tây Ban Nha	2.308	23,9	23.440	50,6	5,9	5,3
Thụy Điển	1.683	13,7	19.255	13,3	4,9	5,7
Italia	1.835	67,2	18.825	66,2	4,7	3,8
Ba Lan	789	-22,6	14.545	1,8	3,7	4,8
Âi Len	2.121	-14,9	13.738	18,6	3,5	3,9
Rumani	186	110,1	3.249	141,0	0,8	0,5
Bồ Đào Nha	0		2.471	55,3	0,6	0,5
Hy Lạp	95	-2,1	1.402	-9,7	0,4	0,5
Cộng Hoà Séc	36	-89,1	1.309	16,0	0,3	0,4
Bungari	48	-41,3	1.033	25,2	0,3	0,3
Litva	99	-68,3	955	-53,8	0,2	0,7
Slovenia	22	-67,0	942	37,5	0,2	0,2
Áo	71	88,2	846	12,7	0,2	0,3
Croatia	0		793	89,5	0,2	0,1
Phần Lan	26	-45,8	767	40,5	0,2	0,2
Látvia	119	62,9	611	-15,9	0,2	0,2

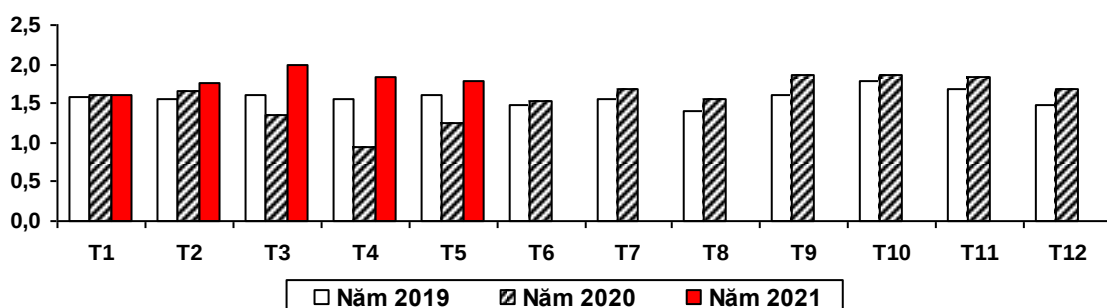
Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Tháng 7/2021 (nghìn USD)	So với tháng 7/2020 (%)	7 tháng năm 2021 (nghìn USD)	So với 7 tháng năm 2020 (%)	Tỷ trọng 7 tháng (%)	
					Năm 2021	Năm 2020
Sip	10	355,3	249	31,6	0,1	0,1
Hunggary	0		240	-11,6	0,1	0,1
Estonia	18	7,3	133	0,6	0,0	0,0
Slovakia	0	-100,0	82	2,4	0,0	0,0
Manta	0		24	-41,7	0,0	0,0
Luxembua	0		1		0,0	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Tình hình nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của EU giai đoạn năm 2019 - 2021

(ĐVT: tỷ Eur)



Nguồn: Eurostat

Mặt hàng đồ nội thất gỗ EU nhập khẩu tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2021

Mã HS	Tháng 5/2021 (nghìn Eur)	Tháng 5/2021 (nghìn USD)	So với tháng 5/2020 (%)	5 tháng năm 2021 (nghìn Eur)	5 tháng năm 2021 (nghìn USD)	So với 5 tháng năm 2020 (%)	Tỷ trọng 5 tháng (%)	
							Năm 2021	Năm 2020
Tổng	1.795.720	1.521.797	43,7	8.979.222	10.595.481	31,4	100,0	100,0
940360	728.413	617.299	49,3	3.690.267	4.354.514	34,7	41,1	40,1
940161 + 940169	555.359	470.643	46,5	2.733.375	3.225.383	31,2	30,4	30,5
940350	227.782	193.035	36,5	1.166.343	1.376.284	28,8	13,0	13,3
940340	207.104	175.512	30,8	982.165	1.158.955	30,3	10,9	11,0
940330	77.062	65.307	33,7	407.072	480.345	16,6	4,5	5,1

Nguồn: Eurostat

Thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ cho EU trong 5 tháng đầu năm 2021

Ghi chú: Tỷ giá 1 Eur = 1,18 USD

Thị trường	5 tháng năm 2021		So với 5 tháng 2020 (%)	Tỷ trọng theo theo tổng EU, 5 tháng (%)		Tỷ trọng theo tổng nhập khẩu trong và ngoài EU, 5 tháng (%)	
	Nghìn Eur	Nghìn USD		Năm 2020	Năm 2019	Năm 2021	Năm 2020
Tổng	8.979.222	10.595.481	31,4	100,0	100,0		
Nhập khẩu nội khối	6.612.018	7.802.181	29,9	73,6	74,5	100,0	100,0

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	5 tháng năm 2021		So với 5 tháng 2020 (%)	Tỷ trọng theo theo tổng EU, 5 tháng (%)		Tỷ trọng theo tổng nhập khẩu trong và ngoài EU, 5 tháng (%)	
	Nghìn Eur	Nghìn USD	Nghìn Eur	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2021	Năm 2020
Ba Lan	1.826.915	2.155.760	21,6	20,3	22,0	27,6	29,5
Đức	1.310.135	1.545.959	33,3	14,6	14,4	19,8	19,3
Italia	690.056	814.266	50,3	7,7	6,7	10,4	9,0
Litva	337.012	397.674	34,9	3,8	3,7	5,1	4,9
Hà Lan	319.968	377.563	44,3	3,6	3,2	4,8	4,4
Rumani	300.710	354.838	46,0	3,3	3,0	4,5	4,0
Đan Mạch	259.283	305.954	31,3	2,9	2,9	3,9	3,9
Bỉ	244.212	288.170	32,6	2,7	2,7	3,7	3,6
Tây Ban Nha	194.829	229.898	31,7	2,2	2,2	2,9	2,9
Thụy Điển	180.457	212.939	6,7	2,0	2,5	2,7	3,3
Pháp	180.893	213.454	54,7	2,0	1,7	2,7	2,3
Slovakia	137.674	162.455	19,0	1,5	1,7	2,1	2,3
Bồ Đào Nha	120.424	142.100	57,5	1,3	1,1	1,8	1,5
Áo	93.668	110.528	0,9	1,0	1,4	1,4	1,8
CH.Séc	98.371	116.078	15,0	1,1	1,3	1,5	1,7
Hunggary	72.852	85.965	9,3	0,8	1,0	1,1	1,3
Estonia	63.989	75.507	-6,2	0,7	1,0	1,0	1,3
...							
Nhập khẩu ngoại khối	2.367.204	2.793.301	35,8	26,4	25,5	100,0	100,0
Trung Quốc	1.017.765	1.200.963	44,3	11,3	10,3	43,0	40,5
Việt Nam	254.718	300.568	5,5	2,8	3,5	10,8	13,9
Thổ Nhĩ Kỳ	145.652	171.869	67,4	1,6	1,3	6,2	5,0
Indonesia	148.555	175.295	10,7	1,7	2,0	6,3	7,7
Ấn Độ	132.231	156.032	67,3	1,5	1,2	5,6	4,5
Ukraina	119.717	141.266	83,4	1,3	1,0	5,1	3,7
Bosnia và Herzegovina	102.086	120.462	42,5	1,1	1,0	4,3	4,1
Bêlarút	83.560	98.601	72,2	0,9	0,7	3,5	2,8
Anh	56.027	66.112	-31,4	0,6	1,2	2,4	4,7
Serbia	61.678	72.780	36,1	0,7	0,7	2,6	2,6
Malaysia	49.116	57.957	59,5	0,5	0,5	2,1	1,8
Thụy Sĩ	30.218	35.657	3,2	0,3	0,4	1,3	1,7
Nga	32.213	38.012	56,8	0,4	0,3	1,4	1,2
Na Uy	27.271	32.179	22,7	0,3	0,3	1,2	1,3
Braxin	22.878	26.996	4,2	0,3	0,3	1,0	1,3
Thái Lan	10.410	12.283	-10,7	0,1	0,2	0,4	0,7
CH. Moldova	10.027	11.832	54,0	0,1	0,1	0,4	0,4
Albania	7.628	9.001	80,0	0,1	0,1	0,3	0,2
Mỹ	7.191	8.485	-13,8	0,1	0,1	0,3	0,5
Bắc Macedonia	7.511	8.863	56,0	0,1	0,1	0,3	0,3
Hồng Kông	6.483	7.650	180,4	0,1	0,0	0,3	0,1
Đài Loan	4.325	5.103	40,4	0,0	0,0	0,2	0,2
Philippine	2.619	3.090	14,8	0,0	0,0	0,1	0,1

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	5 tháng năm 2021		So với 5 tháng 2020 (%)	Tỷ trọng theo theo tổng EU, 5 tháng (%)		Tỷ trọng theo tổng nhập khẩu trong và ngoài EU, 5 tháng (%)	
	Nghìn Eur	Nghìn USD	Nghìn Eur	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2021	Năm 2020
Kosovo	2.837	3.347	93,3	0,0	0,0	0,1	0,1
Ai Cập	2.603	3.072	92,3	0,0	0,0	0,1	0,1
Nhật Bản	2.327	2.745	11,3	0,0	0,0	0,1	0,1
Marôc	1.574	1.857	128,0	0,0	0,0	0,1	0,0
Mexico	1.172	1.383	-17,1	0,0	0,0	0,0	0,1
Tuynidi	965	1.139	112,7	0,0	0,0	0,0	0,0
Các TVQ Ả Rập thống nhất	850	1.003	-6,7	0,0	0,0	0,0	0,1
Li Băng	613	724	-45,5	0,0	0,0	0,0	0,1
Canada	665	784	13,5	0,0	0,0	0,0	0,0
Ixraen	309	365	-41,1	0,0	0,0	0,0	0,0
Nam Phi	329	388	67,7	0,0	0,0	0,0	0,0
Singapore	335	395	-24,6	0,0	0,0	0,0	0,0
Myanma	332	392	-25,5	0,0	0,0	0,0	0,0
Montenegro	208	245	-21,9	0,0	0,0	0,0	0,0
Hàn Quốc	45	54	-80,1	0,0	0,0	0,0	0,0
Môritiutx	163	192	71,3	0,0	0,0	0,0	0,0
Andora	134	158	130,6	0,0	0,0	0,0	0,0
Iran	199	234	138,6	0,0	0,0	0,0	0,0
Pêru	98	115	-38,1	0,0	0,0	0,0	0,0
Australia	128	151	-50,1	0,0	0,0	0,0	0,0
New Zealand	183	216	795,6	0,0	0,0	0,0	0,0
San Marino	144	169	309,0	0,0	0,0	0,0	0,0
Lictonxtain	140	166	38,4	0,0	0,0	0,0	0,0
Pakixtan	94	111	18,8	0,0	0,0	0,0	0,0
Xri Lanca	96	113	-1,3	0,0	0,0	0,0	0,0
Ma Cao	65	77	-84,7	0,0	0,0	0,0	0,0
Êcuado	64	75	4,4	0,0	0,0	0,0	0,0
Côlombia	112	132	162,4	0,0	0,0	0,0	0,0
Suriname	66	78	12,4	0,0	0,0	0,0	0,0

Nguồn: Eurostat

Doanh nghiệp xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ hàng đầu của Việt Nam sang thị trường EU trong tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2021

Doanh nghiệp xuất khẩu	Tháng 7/2021 (nghìn USD)	7tháng năm 2021 (nghìn USD)
CTY TNHH SCANCOM VIỆT NAM	833	18.473
CTY TNHH NỘI THẤT MỀ KÔNG.	1.740	15.788
CTY CỔ PHẦN WOODSLAND	1.155	15.174
XÍ NGHIỆP THẮNG LỢI - CHI NHÁNH CTY CP PHÚ TÀI	370	13.586
CTY CỔ PHẦN LÂM SẢN NAM ĐỊNH	1.006	9.885
CTY TNHH THƯƠNG MẠI NHẬN HOÀNG	1.753	9.820
CTY TNHH SCANSIA PACIFIC	1.162	8.175
CTY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN POU SUNG VIỆT NAM	0	5.551

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Doanh nghiệp xuất khẩu	Tháng 7/2021 (nghìn USD)	7tháng năm 2021 (nghìn USD)
CTY CỔ PHẦN FORIMEX THỊNH HOÀNG	402	5.206
CTY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ TIỀN ĐẠT	0	4.913
CTY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DAFI	859	4.910
CTY TNHH PHÁT TRIỂN	788	4.741
CTY CỔ PHẦN ĐỒ GỖ NGHĨA SƠN	354	4.581
CTY TNHH SẢN XUẤT ĐỒ GỖ XUẤT KHẨU	595	4.510
CTY TNHH SẢN XUẤT THỊNH VIỆT.	665	4.487
CTY TNHH HIỆP LONG	693	4.485
CTY TNHH DEWBERRY (VIỆT NAM)	839	4.343
CTY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI TÂM PHÚ	183	4.302
CTY TNHH GOMO VIỆT NAM	580	4.264
CTY TNHH HOÀNG HƯNG	120	4.237
CTY TNHH STEELFLEX	522	4.114
CTY CỔ PHẦN GỖ MINH DƯƠNG	427	3.935
CTY TNHH MỘC PHƯỚC SANH	452	3.756
CTY TNHH GỖ KHANG MY	753	3.672
CTY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THÀNH LUẬN	503	3.576
CTY TNHH ĐỨC TOÀN	110	3.355
CTY TNHH CÔNG THÁI HỌC LOCTEK VIỆT NAM	359	3.209
CTY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MEUBLES DEMEYERE VIỆT NAM	578	3.096
CTY TNHH WHITE FEATHERS INTERNATIONAL	503	3.056
CTY TNHH NỘI NGOẠI THẤT GIA HẸN	236	2.999
CTY TNHH HỒ NAI	243	2.975
CTY CỔ PHẦN VIHA THỐNG NHẤT	526	2.914
CTY CỔ PHẦN LÂM NGHIỆP 19	319	2.830
CTY TNHH XUẤT KHẨU THIÊN ĐỨC PHÁT	674	2.810
CTY TNHH MTV SX - TM - DỊCH VỤ QUANG DŨNG	491	2.788
CTY TNHH TRƯỜNG SƠN	316	2.591
CTY CỔ PHẦN SX VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA	524	2.588
CTY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VINAWOOD	0	2.578
CTY TNHH KODA SAIGON	655	2.556
CTY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHƯƠNG NGUYỄN	229	2.548
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH KHUÊ	469	2.538
CN TẠI ĐỒNG NAI - CTY TNHH ĐỒ GỖ NGHĨA SƠN	0	2.447
CTY TNHH GEUTHER VIỆT NAM	366	2.398
CTY TNHH PGT-RECLAIMED (VIỆT NAM)	345	2.351
CTY CP CẨM HÀ	46	2.296
CTY TNHH TIẾN HƯNG	132	2.217
CTY TNHH SSR VINA	334	2.192
CTY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOÀNG PHÁT	29	2.192

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ sử dụng để tham khảo)

Ước tính, xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp tháng 8/2021 giảm mạnh

Theo ước tính, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp trong tháng 8/2021 đạt 60 triệu USD, nâng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này trong 8 tháng đầu năm 2021 đạt 630,7 triệu USD, tăng 41,6% so với cùng kỳ năm 2020.

Do đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, nhiều địa phương thực hiện giãn cách xã hội làm ảnh hưởng tới chuỗi cung ứng sản xuất, chế biến, xuất khẩu gỗ và sản

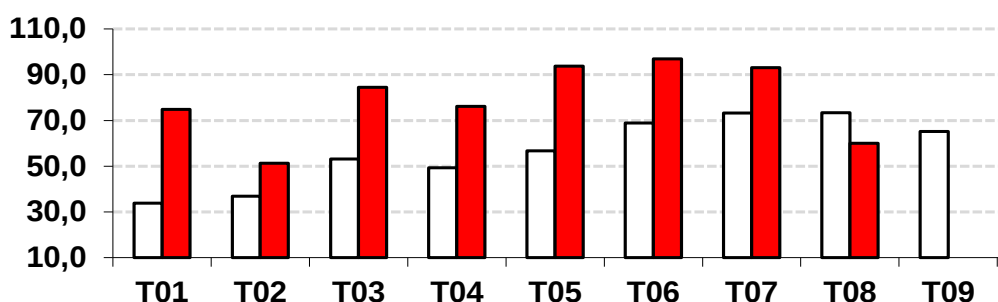
Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

phẩm gỗ, trong đó mặt hàng đồ nội thất nhà bếp cũng chịu tác động lớn khiến kim ngạch xuất khẩu giảm mạnh trong tháng 8/2021. Nếu tình hình dịch bệnh được kiểm soát tốt, với nhu cầu tiêu thụ đồ nội thất nhà bếp trên thị trường thế giới tăng đáp ứng cho thị trường nhà ở hoàn thiện và nhu cầu sửa sang nhà cửa đón chào năm mới vào những tháng cuối năm, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp của Việt Nam có thể sẽ tăng trưởng khả quan trong năm 2021.

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp trong tháng 7/2021 đạt 93,1 triệu USD, tăng 27,1% so với tháng 7/2020. Trong 7 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp đạt 569,4 triệu USD, tăng 52,6% so với cùng kỳ năm 2020.

Kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp giai đoạn 2020 - 2021

(ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan- số liệu tháng 8 ước tính

Mặt hàng xuất khẩu

Trong 7 tháng đầu năm 2021, tủ bếp là mặt hàng xuất khẩu chính trong cơ cấu mặt hàng đồ nội thất nhà bếp, chiếm 74,4% tổng kim ngạch xuất khẩu, đạt 423,9 triệu USD, tăng 63,2% so với cùng kỳ năm 2020. Mặt hàng tủ bếp xuất khẩu nhiều nhất tới thị trường Mỹ trong 7 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu đạt 380,9 triệu USD, tăng 71% so với cùng kỳ năm 2020. Tốc độ tăng nhanh của mặt hàng này tới Mỹ cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro. Theo Cục Phòng vệ Thương mại, tủ gỗ (Wooden cabinets and vanities) là một trong 3 mặt hàng mặt hàng gỗ xuất khẩu sang Mỹ cũng có nguy cơ bị kiện lớn khi xuất khẩu sang thị trường này. Do đó, Cục Phòng vệ Thương mại khuyến nghị cần giám sát việc cấp giấy chứng nhận xuất xứ và khai báo xuất xứ và tiếp tục theo dõi nguy cơ bị điều tra chống lẩn tránh thuế và các biện pháp phòng vệ thương mại đối với mặt hàng này.

Tiếp theo là mặt hàng bàn bếp đạt 67,1 triệu USD, tăng 22,8%; Đồ gia dụng nhà bếp đạt 63,1 triệu USD, tăng 32,3%; Kệ bếp đạt 9,6 triệu USD, tăng 61,5%...

Mặt hàng đồ nội thất nhà bếp xuất khẩu trong tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2021

Mặt hàng	Tháng 7/2021 (Nghìn USD)	So với tháng 7/2020 (%)	7 tháng năm 2021 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2020 (%)	Tỷ trọng 7 tháng (%)	
					N 2021	N 2020
Tổng	93.052	27,1	569.428	52,6	100,0	100,0
Tủ bếp	72.907	35,0	423.852	63,2	74,4	69,6
Bàn bếp	8.480	-18,3	67.092	22,8	11,8	14,7
Đồ gia dụng	9.371	32,6	63.061	32,3	11,1	12,8
Kệ bếp	1.706	115,7	9.579	61,5	1,7	1,6
Xe đẩy	256		3.301	734,8	0,6	0,1

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Mặt hàng	Tháng 7/2021 (Nghìn USD)	So với tháng 7/2020 (%)	7 tháng năm 2021 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2020 (%)	Tỷ trọng 7 tháng (%)	
					N 2021	N 2020
Ghế	320	-60,6	2.249	-49,0	0,4	1,2

Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Tổng cục Hải quan

Thị trường xuất khẩu

Kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp tới thị trường Mỹ trong 7 tháng đầu năm 2021 đạt 439,6 triệu USD, tăng 67% so với cùng kỳ năm 2020. Tỷ trọng xuất khẩu sang Mỹ chiếm 77,2%, tăng 6,6 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2020.

Tiếp theo là các thị trường như Nhật Bản, Hàn Quốc, EU, Anh, Trung Quốc, Canada... Đáng chú ý, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp tới thị trường EU và Canada có tốc độ tăng trưởng cao trong 7 tháng đầu năm 2021. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu tới thị trường EU đạt 13,6 triệu USD, tăng 64,3% so với cùng kỳ năm 2020; Xuất khẩu tới thị trường Canada đạt 4,9 triệu USD, tăng 99,3% so với cùng kỳ năm 2020.

Xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp tới các thị trường tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2021

Thị trường	Tháng 7/2021 (Nghìn USD)	So với tháng 7/2020 (%)	7 tháng năm 2021 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2020 (%)	Tỷ trọng 7 tháng (%)	
					Năm 2021	Năm 2020
Tổng	93.052	27,1	569.428	52,6	100,0	100,0
Mỹ	74.543	34,8	439.590	67,0	77,2	70,6
Nhật Bản	6.368	4,5	47.122	5,0	8,3	12,0
Hàn Quốc	3.283	-27,8	29.088	0,6	5,1	7,7
EU	1.796	23,9	13.603	64,3	2,4	2,2
Đức	593	11,1	4.228	28,1	0,7	0,9
Pháp	396	161,2	2.776	238,2	0,5	0,2
Hà Lan	333	21,6	2.416	138,6	0,4	0,3
Bỉ	185	31,1	1.126	108,4	0,2	0,1
Đan Mạch	95	41,5	787	120,5	0,1	0,1
Italia	58	5763,0	701	245,0	0,1	0,1
Ai Len	99	96,3	431	6,8	0,1	0,1
Tây Ban Nha	16	-86,7	420	-53,7	0,1	0,2
Thụy Điển	11	-73,6	259	-46,8	0,0	0,1
Ba Lan	4	-92,9	217	152,9	0,0	0,0
Anh	2.319	51,0	10.184	43,5	1,8	1,9
Trung Quốc	688	-13,0	5.002	43,8	0,9	0,9
Canada	1.129	17,0	4.931	99,3	0,9	0,7
Australia	234	-57,6	2.724	4,8	0,5	0,7
Đài Loan	253	-22,1	2.643	56,0	0,5	0,5
Chile	563	430,3	2.039	217,3	0,4	0,2
Ai Cập	266	26,7	2.017	16,9	0,4	0,5
Ả Rập Xê út	311	83,8	1.578	60,4	0,3	0,3
Angiêri	222		1.477	385,3	0,3	0,1
Ấn Độ	341	43,2	1.043	7,0	0,2	0,3
Các TVQ Ả rập thống nhất	73	324,4	795	178,0	0,1	0,1
New Zealand	83	8,1	584	43,0	0,1	0,1
Malaysia	70	1559,7	582	288,4	0,1	0,0

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Tháng 7/2021 (Nghìn USD)	So với tháng 7/2020 (%)	7 tháng năm 2021 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2020 (%)	Tỷ trọng 7 tháng (%)	
					Năm 2021	Năm 2020
Nga	23	150,4	389	25,5	0,1	0,1
Singapore	36	120,8	282	141,8	0,0	0,0
Na Uy	62	1980,5	254	58,7	0,0	0,0
Thái Lan	0		163	9,2	0,0	0,0
Indonesia	0	-100,0	132	36,7	0,0	0,0
Nam Phi	23	700,5	131	109,3	0,0	0,0
En Xanvado	36		126	252,8	0,0	0,0
Mexico	18	91,3	96	-13,9	0,0	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Tình hình xuất khẩu sản phẩm gỗ trong tuần

(Từ ngày 24/8/2021 đến 30/8/2021)

Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tuần đạt 179,9 triệu USD, giảm 10,9% so với tuần trước. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ đạt 94,5 triệu USD, giảm 16,9% so với tuần trước.

Mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu tới một số thị trường trong tuần như: Mỹ đạt 71,3 triệu USD, tăng 6,2% so với tuần trước; tiếp theo là Nhật Bản đạt 5,9 triệu USD, giảm 7,5%; Anh đạt 3 triệu USD, tăng 14,3%; Australia đạt 2,2 triệu USD, tăng 59,3%; Hàn Quốc đạt 1,7 triệu USD, giảm 33,2%; Trung Quốc đạt 1,6 triệu USD, giảm 34,7%; Canada đạt 1,5 triệu USD, giảm 24,5%...

Tham khảo giá một số lô hàng sản phẩm gỗ xuất khẩu trong tuần (Giá: FOB)

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
Đài Loan	Giường gỗ sồi nhập khẩu kích thước (1530 x 2020 x 1250)mm(750)- Mã sản phẩm: DWO-QB016	Cái	10	290,7	Cát Lái
	Tủ quần áo gỗ sồi - Kích thước (1045 x 600 x2020)mm- Mã sản phẩm: VS-HW018	Cái	5	275,3	Cát Lái
	Kệ sách gỗ sồi nhập khẩu (700 x 360 x 1820)mm- Mã sản phẩm : Y-TB013(VV-MB018)	Cái	5	139,7	Cát Lái
Đức	Tủ gỗ Tràm có quy cách : 110X45X190cm có nhãn hiệu là Mali-6248/50	Cái	19	225,6	Cái Mép
	Bàn gỗ Tràm có quy cách : 200x100x76cm có nhãn hiệu là Mali-6285/50-180	Cái	23	169,4	Cái Mép
Ả Rập Xê út	Tủ gỗ dương, dẻ gai, (1847 x 520 x 750mm)	Cái	4	720,9	Cont Spite
	Ghế gỗ dẻ gai, thép bọc vải (606*514*721)mm	Cái	6	325,8	Cont Spite
	Bàn gỗ tràm (514x413x660mm)	Cái	5	173,7	Cont Spite
Ai Len	Tủ 100x44x200 (cm), gỗ sồi nhập khẩu	Cái	10	360,4	Cát Lái
	Bàn gỗ sồi 30031-001 (1900 x 900 x 170mm)	Cái	30	305,4	Cát Lái
	Ghế gỗ sồi 20994-001 (220x1650x490mm)	Cái	30	120,9	Cát Lái
	Kệ tivi nội thất bằng gỗ OAK, dùng trong phòng khách, kích thước 1446x450x689mm	Cái	5	240,0	Cont Spite
Anh	Tủ gỗ dương, sồi 1801x510x840)mm	Cái	2	810,9	Cát Lái
	Bàn Mặt đá tự nhiên và chân gỗ Walnut 2000x1000x750mm	Cái	26	639,7	Cát Lái
	Giường, nhãn hiệu logo chữ K, quy cách(1680x2223x1360)mm, gỗ sồi, gỗ thông	Cái	14	222,0	Cont Spite
	Kệ sách HERCULES 1200x410x1950mm, nhãn hiệu: Oak Furnitureland (gỗ sồi)	Cái	27	258,0	Phước Long
Australia	Ghế sofa Bureau 220 - Fixed - Range L2 gỗ thông (W2220xD900xH730)	Cái	2	850,0	Cát Lái

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
	Bàn gỗ sồi - ST. CROIX BL DINING TABLE 180 (185x185x7.5) cm (Gỗ sồi châu âu nhập khẩu)	Cái	5	370,0	Cát Lái
	Kệ sách gỗ thông pallet (nhóm 4)-Kích thước (1800 x 360 x 1800)mm- Mã sản phẩm : HA15055	Cái	34	148,2	Cát Lái
	Tủ gỗ bạch đàn 2400x490x460mm	Cái	10	505,0	Cont Spitc
Bỉ	Tủ gỗ óc chó (1240x526x460)mm	Cái	5	488,9	Cái Mép
	Bàn Extension Tambo được MDF và hợp gỗ oak quy cách 2200 x 1000 x 760 mm	Cái	15	320,0	Cát Lái
	Giường Ankhara Euro King Size Bed (W2086 x D1754 x 1160H)mm gỗ sồi	Cái	30	286,0	Cát Lái
	Ghế sofa gỗ thông (pinus radiata) bọc vải 3-seater 652 85*188*84cm	Cái	8	159,0	Cát Lái
Côttxa Rica	Bàn trang điểm size:1661*457*1012mm (gỗ thông, gỗ cao su), Item:B697-31, hiệu ASHLEY	Cái	17	159,4	Cát Lái
	Tủ 5 hộc, phòng ngủ size:1005*457*1474mm (gỗ thông, gỗ cao su), Item: B697-46, hiệu ASHLEY	Cái	7	137,7	Cát Lái
Canada	Ghế Sofa 3 chỗ, bọc da, vải và PVC, gỗ thông, đàn hồi tự động (85*40*40)"	Cái	27	458,7	Cát Lái
	Giường Eva King Bed 2D 2 hộc kéo, kích thước 2180x2013x1200mm dùng trong phòng ngủ, gỗ keo	Cái	15	210,3	Đình Vũ
	Bàn ăn dài (79+20*42-4/8*30)"- gỗ cao su, dương, thông	Cái	38	213,4	QT SP-SSA(SSIT)
Chilê	Tủ rửa tay gỗ dương (1500*550*846)mm	Cái	19	300,0	Cái Mép
	Ghế băng thùng gỗ keo 55 x 110 x 85(H) cm	Cái	65	93,7	Quy Nhơn
Hà Lan	Tủ gỗ Trám có quy cách : 2155x450x565 mm có nhãn hiệu là Robusto - B	Cái	9	408,4	Cát Lái
	Bàn gỗ trám loại 2300x1150x780 mm, Nhãn hiệu Robusto - M	Cái	5	216,7	Cát Lái
Hàn Quốc	Giường K BED màu Nature, Walnut; size (1800*2100*1300) mm cao su	Bộ	50	186,0	Cát Lái
	Ghế sofa gỗ thông (pinus radiata) bọc vải 4-seater hq08 odin 97*264*77cm	Cái	32	480,1	Cát Lái
	Bàn(1700ray2200Wx950Dx760H) gỗ cao su	Cái	15	390,0	Cát Lái
	Tu: CABINETTV(2200x450x530H gỗ cao su,	Cái	3	332,0	Cát Lái
Hunggary	Tủ gỗ trám bông vàng 110x45x209 cm, Nhãn hiệu Blijburg - B5	Cái	10	297,7	QT SP-SSA(SSIT)
	Bàn gỗ trám bông vàng 180/230x90x78 cm, Nhãn hiệu Blijburg -G	Cái	20	242,3	QT SP-SSA(SSIT)
New Zealand	Tủ gỗ sồi (180/45/80) cm	Cái	5	614,9	Cát Lái
	Kệ gỗ sồi (125/37/207)cm	Cái	5	613,9	Cát Lái
	Bàn gỗ sồi (136/136/76)cm	Cái	10	450,8	Cát Lái
	Giường MBL9 - gỗ thông, gỗ tần bì, kích thước (222x199x106)cm	Cái	4	343,0	Cát Lái
Nga	Tủ DA20 - gỗ thông, kích thước (130x66x205)cm	Cái	4	625,0	Cát Lái
	Ghế FC35/C355 - gỗ thông, có bọc nệm, kích thước (83x170.5x75.5)cm,	Cái	1	589,0	Cát Lái
	Bàn DTD1 - gỗ thông, kích thước (195x130x76)cm	Cái	5	458,0	Cát Lái
	Kệ DST1 - gỗ thông, kích thước (198.3x98x34.5)cm	Cái	5	228,0	Cát Lái
Nhật Bản	Tủ sử dụng trong phòng khách (kiri Ghép, gỗ alder Ghép, gỗ beech Ghép, gỗ cao su) 80 (LBR) (855 x 1800 x 400) mm	Cái	30	170,3	Cát Lái
	Kệ dùng trong phòng khách (gỗ wanu) ALESSIA LOW BOARD 180 (MBR) (1800 x 400 x 440) mm	Cái	18	128,0	Cát Lái
Pêru	Giường gỗ bạch đàn FSC, (1920x596x871)mm, không có nhãn hiệu - REPOSERA K	Cái	10	83,1	Cát Lái
	Ghế có khung gỗ bạch đàn FSC, (1916x596x869)mm	Cái	9	80,7	Cát Lái
Puerto Rico	Giường đơn gỗ thông thuộc nhóm 4 Size: 1525x1905x850mm. Item:52380Q-HF,52380Q-RS.Hiệu:HCV DISTRIBUTORS. Mới 100%	Bộ	68	85,8	Cát Lái
	Tủ trang điểm (có khung kiếng) gỗ thông thuộc nhóm 4.	Cái	114	114,7	Cát Lái

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
	Size:1445x394x861mm.Item: 52380-DR-MR				
Pháp	Ghế FC99 - gỗ thông, có bọc đệm ở mặt Ghế và tựa lưng kích thước (52.5x50x97.5)cm	Bộ	4	321,7	Cát Lái
	Tủ NAB1 - gỗ thông, kích thước (239.8x44.9x245.3)cm	Cái	1	689,0	Cát Lái
	Bàn 3 mảnh-gỗ thông (1600/2200-900-752) mm-KM09-21	Cái	131	163,5	Cát Lái
	Kệ sách tầng lớn- gỗ thông (900-400-1800) mm-KM09-7	Cái	35	101,1	Cát Lái
Tây Ban Nha	Tủ, quy cách: 110x42x205 (cm), gỗ Thông	Cái	20	180,6	Cát Lái
	Kệ, quy cách: 125x35x235 (cm) gỗ Thông	Cái	25	112,6	Cát Lái
	Bàn, quy cách: 90/180x90x78 (cm)gỗ Thông	Cái	17	86,4	Cát Lái
Thái Lan	Giường gỗ sồi 225X245X207CM, Mã: M167-Q	Cái	1	1.716,0	Cát Lái
	Bàn gỗ sồi 180X90X74 CM, Mã: MKO193-L	Cái	1	966,0	Cát Lái
	Ghế gỗ sồi 54X63X80 CM, Mã: M2015-F27-B23	Cái	2	372,0	Cát Lái
Trung Quốc	Ghế Sofa 3 chỗ, bọc da, gỗ thông, đàn hồi tự động (85*40*40)"	Cái	1	513,4	Bà Rịa
	Tủ bp gỗ thch (1220*400*965) mm, nhãn hiệu Kaplan	Cái	10	291,1	Cát Lái
	Kệ gỗ thch (1220*415*915) mm, nhãn hiệu Kaplan	Cái	15	200,6	Cát Lái

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Nhập khẩu gỗ tần bì từ EU giảm 7,3% về lượng

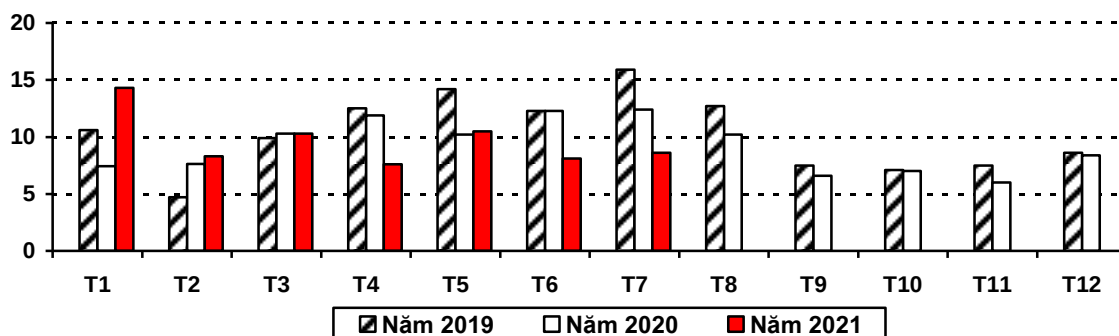
EU là thị trường cung cấp gỗ tần bì lớn nhất cho Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2021, chiếm 91,5% tổng lượng nhập khẩu, đạt 262,8 nghìn m³, trị giá 60,4 triệu USD, giảm 7,3% về lượng và tăng 0,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Tình hình nhập khẩu gỗ tần bì

Theo số liệu thống kê, nhập khẩu gỗ tần bì của Việt Nam tháng 8/2021 ước đạt 36,7 nghìn m³, trị giá 8,2 triệu USD, giảm 3,4% về lượng và giảm 4,5% về trị giá so với tháng 7/2021; so với tháng 8/2020 giảm 21,7% về lượng và giảm 19,9% về trị giá.

Tính chung 8 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu mặt hàng này ước đạt 323,8 nghìn m³, trị giá 75,9 triệu USD, giảm 14,1% về lượng và giảm 8,0% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

Trị giá nhập khẩu gỗ tần bì của Việt Nam qua các tháng giai đoạn năm 2019– 2021 (ĐVT:Triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Theo số liệu thống kê, nhập khẩu gỗ tần bì của Việt Nam tháng 7/2021 đạt 38 nghìn m³, trị giá 8,6 triệu USD, tăng 11,4% về lượng và tăng 6,1% về trị giá so với tháng 6/2021; so với tháng 7/2020 giảm 34,4% về lượng và giảm 30,9% về trị giá. Tính chung 7 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu mặt hàng này đạt 287,1 nghìn m³, trị giá 67,7 triệu USD, giảm 13% về lượng và giảm 6,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

+ Về chủng loại nhập khẩu:

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Gỗ tròn bì tròn nhập khẩu về Việt Nam 7 tháng đầu năm 2021 đạt khối lượng 272,6 nghìn m³, trị giá 61,1 triệu USD, giảm 14,1% về lượng và giảm 8,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Nhập khẩu gỗ tròn bì loại xẻ đạt 14,5 nghìn m³, trị giá 6,5 triệu USD, tăng 14,2% về lượng và tăng 20,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

Tham khảo nhóm gỗ tròn bì nhập khẩu 7 tháng đầu năm 2021

Chủng loại	7 tháng đầu năm 2021			So với cùng kỳ năm 2020 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (m ³)	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m ³)	Lượng	Trị giá	Đơn giá	7T/2021	7T/2020
Gỗ tròn	272.612	61.120	224,2	-14,1	-8,4	6,6	95,0	96,1
Gỗ xẻ	14.479	6.543	451,9	14,2	20,3	5,4	5,0	3,8

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

+ Về thị trường nhập khẩu:

7 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu gỗ tròn bì nguyên liệu của Việt Nam từ EU và Mỹ giảm so với cùng kỳ năm 2020, trong khi đó nhập khẩu từ Trung Quốc, Hồng Kông, Canada tăng.

Nhập khẩu gỗ tròn bì từ thị trường EU lớn nhất trong 7 tháng đầu năm 2021, chiếm 91,5% tổng lượng nhập khẩu, đạt 262,8 nghìn m³, trị giá 60,4 triệu USD, giảm 7,3% về lượng và tăng 0,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, nhập khẩu từ một số nước thuộc khối EU giảm như: từ Đức giảm 19,2%; Hà Lan giảm 55%; Slovenia giảm 10,3%; Croatia giảm 30,1%... về lượng so với cùng kỳ năm 2020.

Nhập khẩu gỗ tròn bì từ thị trường Mỹ giảm 75,4% về lượng và 60,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020, đạt 10,2 nghìn m³, trị giá 4,2 triệu USD.

Trái lại, nhập khẩu mặt hàng này từ thị trường Trung Quốc tăng mạnh 1.141,7% về lượng và tăng 527,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020, đạt 5,9 nghìn m³, trị giá 911 nghìn USD.

Ngoài ra, nhập khẩu gỗ tròn bì từ Hồng Kông tăng 1.561,2% và từ Canada tăng 148,1% về lượng so với cùng kỳ năm 2020, đạt lần lượt 3,2 nghìn m³ và 743 m³.

+ Về giá nhập khẩu:

Giá nhập khẩu gỗ tròn bì trong 7 tháng đầu năm 2021 đạt 235,7 USD/m³, tăng 7,8% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong đó, giá nhập khẩu bình quân gỗ tròn bì từ EU đạt 230 USD/m³, tăng 8,5% so với cùng kỳ năm 2020; từ Hồng Kông tăng 8,1%, lên 193,6 USD/m³; từ Canada tăng 14%, lên 526,7 USD/m³.

Thị trường cung cấp gỗ tròn bì cho Việt Nam 7 tháng đầu năm 2021

Thị trường	7 tháng đầu năm 2021			So với cùng kỳ năm 2020 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (m ³)	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m ³)	Lượng	Trị giá	Đơn giá	7T/2021	7T/2020
Tổng	287.090	67.663	235,7	-13,0	-6,3	7,8	100,0	100,0
EU	262.775	60.434	230,0	-7,3	0,7	8,5	91,5	85,8
<i>Bỉ</i>	128.941	29.670	230,1	5,4	13,2	7,4	44,9	37,1
<i>Pháp</i>	53.510	12.441	232,5	4,2	13,8	9,2	18,6	15,6
<i>Đức</i>	37.765	8.237	218,1	-19,2	-18,4	1,0	13,2	14,2
<i>Hà Lan</i>	16.974	3.778	222,6	-55,0	-50,8	9,3	5,9	11,4

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	7 tháng đầu năm 2021			So với cùng kỳ năm 2020 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (m³)	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m³)	Lượng	Trị giá	Đơn giá	7T/2021	7T/2020
Slovenia	9.649	2.150	222,9	-10,3	18,8	32,6	3,4	3,3
Đan Mạch	5.364	1.181	220,2	112,6	145,9	15,7	1,9	0,8
Italia	3.736	883	236,4	3,9	22,4	17,8	1,3	1,1
Croatia	2.154	957	444,2	-30,1	1,3	44,9	0,8	0,9
Hy Lạp	1.460	330	226,1				0,5	0,0
Áo	1.413	330	233,5				0,5	0,0
CH. Séc	753	165	219,2				0,3	0,0
Ba Lan	408	82	200,3	-86,5	-86,5	-0,5	0,1	0,9
Rumani	293	108	368,2	-82,9	-73,1	57,5	0,1	0,5
Slovakia	198	47	236,7				0,1	0,0
Hungary	127	63	492,0				0,0	0,0
Ái Len	32	13	390,0	48,0	-55,6	-70,0	0,0	0,0
Mỹ	10.218	4.185	409,6	-75,4	-60,6	59,9	3,6	12,6
Trung Quốc	5.875	911	155,1	1.141,7	527,2	-49,5	2,0	0,1
Hồng Kông	3.197	619	193,6	1.561,2	1.696,2	8,1	1,1	0,1
Anh	2.747	622	226,4	-1,8	-1,5	0,2	1,0	0,8
Ukraina	865	349	403,7	-11,7	-21,8	-11,4	0,3	0,3
Canada	743	391	526,7	148,1	182,8	14,0	0,3	0,1
UAE	644	140	216,7				0,2	0,0
Chilê	27	12	463,7					

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu trong tuần

Từ ngày 24/8/2021 đến 30/8/2021

Trong tuần từ ngày 24/8/2021 đến 30/8/2021, Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu đạt 46 triệu USD, giảm 4,9% so với tuần trước. Nhập khẩu gỗ nguyên liệu đã giảm xuống mức thấp nhất từ đầu năm tới nay do ảnh hưởng của làn sóng Covid -19 lần 4 diễn biến phức tạp khiến việc lưu thông hàng hóa bị gián đoạn.

Trong đó, nhập khẩu mặt hàng này từ các thị trường giảm so với tuần trước như: từ Thái Lan giảm 53,3%; Pháp giảm 17,2%; Chilê giảm 5,2%; Đức giảm 61,1%...

Trái lại, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ một số thị trường tăng so với tuần trước như: từ Mỹ tăng 24,8%, Nigeria tăng 1.123,9%, Braxin tăng 123,0%; Lào tăng 111,2%, Cameroon tăng 1.464,6%...

Một số thị trường đứng đầu về cung cấp gỗ nguyên liệu cho Việt Nam trong tuần từ ngày 24/8/2021 đến 30/8/2021 (ĐVT: nghìn USD)

Thị trường	Kỳ từ ngày 24/8/2021 đến 30/8/2021	So với tuần trước (%)
Tổng	46.015	-4,9
Trung Quốc	8.458	0,0
Mỹ	7.456	24,8
Nigeria	5.600	1.123,9
Braxin	3.735	123,0
Lào	2.329	111,2

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Kỳ từ ngày 24/8/2021 đến 30/8/2021	So với tuần trước (%)
Cameroon	1.750	1.464,6
New Zealand	1.358	44,6
Croatia	994	399,9
UruGuay	993	90,6
Thái Lan	835	-53,3
Pháp	819	-17,2
Chilê	800	-5,2
Đức	792	-61,1
Bỉ	769	54,4
Australia	738	202,2
Tây Ban Nha	730	548,0
Suriname	679	360,3
Argentina	594	1581,6
Nga	508	62,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Một số lô hàng gỗ nguyên liệu nhập khẩu tuần từ ngày 24/8/2021 đến 30/8/2021

Chủng loại	Lượng (m³)	Đơn giá (USD/m³)	Thị trường	Cảng – cửa khẩu	Mã GH
Gỗ (pomu xê) 2700 x 115 x 30 mm	19	560,1	Nhật Bản	Cát Lái	FOB
Gỗ óc chó đk từ 14-24 inch. dài từ 7-18 feet	16	948,6	Mỹ	Hải Phòng	CIF
Gỗ bạch đàn xê 25x76-170x1800-2700mm	71	555,5	Nam Phi	Cát Lái	CIF
Gỗ bồ đề tròn tươi (đk: phi 305-762;dài:2438.4-5487)mm	105	250,0	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ cao su xê (22mm x (50.8-76.2)mm x 1100mm	70	312,0	Malaysia	Cont Spite	C&F
Gỗ cao su xê 18/24 x 40/55/60 x 200/800 (mm)	80	232,0	Thái Lan	Cát Lái	C&F
Gỗ cao su xê 22 x 59 x 365 MM	5	496,5	Indonesia	Cát Lái	CFR
Gỗ dương tròn tươi (đk: phi 305-762;dài: 2438.4-5487)mm	103	311,1	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ dương xê sấy (dày: 22mm, rộng: 95mm, dài: 1700-2500mm)	215	240,0	Litva	Cont Spite	CFR
Gỗ dương xê sấy 22mm x 100mm x D 2m	30	364,1	áo	Cát Lái	CIF
Gỗ dương xê, sấy 25 mm x(100 -380mm)x(2000 -3000 mm)	30	365,5	Ukraina	Cát Lái	CIF
Gỗ dẻ gai xê (24.5*80-300*1400-3600)mm	36	481,6	Đức	Cát Lái	CIF
Gỗ dẻ gai xê (38mm*184-228mm*2-3m)	64	314,4	Đan Mạch	Cát Lái	CIF
Gỗ dẻ gai xê sấy dày 26mm x 100mm x 2m	29	406,5	áo	Cát Lái	CIF
Gỗ gỗ (427-605)MMx (512-704)MM x (2433-2571)MM	19	195,0	Trung Quốc	Cát Lái	FOB
Gỗ gỗ dài từ 120cm, rộng từ 20-31cm, dày từ 19-27cm	20	270,0	Uganda	Hải Phòng	CIF
Gỗ gỗ dài: 250cm, rộng: 30cm, dày: 30cm	20	275,0	Dambia	Hải Phòng	FOB
Gỗ gỗ xê dày 30-90 cm, dài 230 -270 cm, rộng 33 - 101 cm	24	190,0	Nigeria	Cont Spite	C&F
Gỗ gỗ xê từ 20cm x từ 30cm x từ 220 cm	20	251,9	Hà Lan	Cát Lái	FOB
Gỗ gỗ xê, dày (37 - 70)cm, rộng (38- 71)cm, dài (180 - 320) cm	40	190,0	Dambia	Hải Phòng	C&F
Gỗ hương đá xê, dày(10- 27)cm, rộng (36 - 68)cm, dài (170 - 300) cm	22	250,0	Dambia	Cảng Xanh	C&F
Gỗ hương dài (250-290)cm, rộng (30-45)cm, dày (11-16)cm	95	240,0	Hồng Kông	Hải Phòng	CFR
Gỗ hương dài: 5.9-7.8M, đk: 69-81cm	17	518,1	Bồ Đào Nha	Cảng Xanh	CFR
Gỗ hương xê, dài: 2-3.4M, rộng: 32-91cm, dày: 12-84cm	45	516,4	Anh	Hải Phòng	FOB
Gỗ lim dài: 10-13.3M, đk: 54-57cm	12	266,8	UAE	Hải Phòng	FAS
Gỗ lim dài: 4.6-13.1M, đk: 80-89cm	158	406,1	Italia	Hải Phòng	FOB
Gỗ lim dài: 6.2-15.2M, đk: 70-79cm	177	354,6	Canada	Hải Phòng	FOB
Gỗ lim dày trên 25 cm, rộng trên 25 cm, dài 2.0 m	24	180,0	Nigeria	Hải Phòng	FOB
Gỗ lim dày trên 25cm, rộng trên 25cm, dài trên 2.0m	48	180,0	Trung Quốc	Cảng Xanh	FOB

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Chủng loại	Lượng (m³)	Đơn giá (USD/m³)	Thị trường	Cảng – cửa khẩu	Mã GH
Gỗ lim xẻ dài 260 - 270cm, rộng 41 - 88cm, dày 49 - 84 cm	24	208,3	Gana	Cảng Xanh	FOB
Gỗ lim xẻ, dài: 260cm, rộng: 40cm, dày: 30cm	60	200,0	Anh	Hải Phòng	FOB
Gỗ linh sam dày 30 mm, rộng: 117-150 mm, dài 1.8- 6.0 m	90	351,0	Thụy Điển	Cát Lái	CIF
Gỗ mít xẻ (dày10x20x150)cm	17	280,0	Indonesia	Hải Phòng	C&F
Gỗ sồi đk: 28cm-76cm; dài: 2.0m-9.2m	179	422,0	Slovenia	Cont Spite	CIF
Gỗ sồi trắng xẻ dày 31.75 mm, dài từ 1.8 m	26	975,1	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi trắng xẻ dày: 25.4 mm, dài từ 2.1-3.7 m	30	945,0	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi tròn đk: 30-39cm, dài:3m	58	190,7	Pháp	Nam Hải	CIF
Gỗ sồi xẻ (white oak), dày: 22x100/600x 1000/1900 (mm)	4	450,0	Croatia	Cont Spite	CIF
Gỗ sồi xẻ dày: 26x26 mm, dài từ 1.0 m	5	574,2	Slovenia	Cát Lái	CFR
Gỗ sồi xẻ sấy dày 20mm x 100mm x 2m	28	456,9	áo	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi xẻ sấy dày 27 mm, dài (2,200 - 2,500) mm	29	510,5	Pháp	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi xẻ sấy, dày 20 x dài 2000-3400x rộng 1231-3296mm	27	446,7	Italia	Cont Spite	CIF
Gỗ sến dài: 9.4-12.6M, đk: 132-152cm	67	348,1	Đức	Hải Phòng	FOB
Gỗ tần bì đk: 23-29 cm, dài 5.6-11.6m .	4	136,9	Đức	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì đk: từ 30-39cm, dài 3-11.5m	56	191,4	Đan Mạch	Cảng Xanh	CIF
Gỗ tần bì dài từ 2.2-4.5 m, đk 30-70cm	80	162,4	CH Séc	Hải Phòng	CIF
Gỗ tần bì dài từ 3m, đk từ 30-39cm	15	184,3	Bỉ	Hải Phòng	CIF
Gỗ tần bì khúc tròn đk: 30cm, dài 3m	522	248,3	áo	Hải Phòng	CIF
Gỗ tần bì trắng dài: 2.8 m- 9.9 m, đk:30cm-74cm	82	219,9	Canada	Hải Phòng	CIF
Gỗ tần bì tròn đk gỗ từ (30-86)cm	488	155,0	Pháp	Cát Lái	C&F
Gỗ tần bì tròn, dài từ 3m -11.6m, đk từ 30cm	170	176,9	Hồng Kông	Hải Phòng	CIF
Gỗ thông (đk từ 31-43cm, dài 11.76m)	171	105,0	Mỹ	Cát Lái	CFR
Gỗ thông tròn (20-26 cm x 3800/5800 mm)	114	90,0	Australia	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ (22 x 75-100 x 3660-3960)mm	98	270,0	Braxin	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ (32-45 x 75-200 x 1800-3600)mm	253	280,0	Uruguay	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ (dài: 10-16 feet, rộng: 10-12 inch, dày: 25 mm)	145	250,0	Anguilla	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ (dày 19mm, rộng 100-250mm, dài 2.5-4.9m)	35	280,0	New Zealand	Cát Lái	C&F
Gỗ thông xẻ 25mm x 100-250mm x 2700/3000mm	109	345,0	Belize	Cont Spite	CIF
Gỗ thông xẻ dày 51mm (51x186x4000)mm	32	299,7	Nhật Bản	Cát Lái	CFR
Gỗ thông xẻ sấy 22MM x 95MM x 2.30-3.20M	93	255,0	Chile	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ sấy dày 22mm, dài (2440-4880)mm	98	360,0	Argentina	Cát Lái	CIF
Gỗ thích xẻ (25.4*80-300*1400-3600)mm	60	975,1	Canada	Cont Spite	CIF
Gỗ tròn bạch đàn đk 30cm, dài 5.8m	110	152,0	áo	Quy Nhơn	CIF
Gỗ tròn bạch đàn đk từ 30cm; dài 5,7m.	306	154,0	Uruguay	Quy Nhơn	CIF
Gỗ tròn bạch đàn đk từ 33cm, dài 5.6m	277	160,0	Braxin	Quy Nhơn	CIF
Gỗ tròn hồ đào dài 2438.4-4876.8mm, đk 304.8 -584.2mm	58	227,0	Mỹ	Cont Spite	CIF
Gỗ tuyết tùng đỏ 20-102mm x 102-203mm x 450-6000mm)	16	565,0	Bỉ	Cát Lái	CIF
Gỗ xẻ sấy dương, dày 22-25mm, rộng từ 75mm, dài 1800mm	41	278,4	Nga	Quy Nhơn	FOB
Gỗ xoan đào dài từ 6.5 m, đk từ 160 cm	12	462,4	áo	Hải Phòng	CIF
Gỗ xoan đào dài: 4.6-11.5M, đk: 120-186cm	362	348,1	Đức	Hải Phòng	FOB
Ván ép plywood (2440*1220*15MM)	87	295,2	Trung Quốc	Cát Lái	CFR
Ván lạng từ gỗ sồi (3T*240W*2200)mm	16	3.932,5	Trung Quốc	Cát Lái	C&F
Ván MDF dày không quá 5mm, (1220mm*210mm*2.5mm)	6	209,8	Trung Quốc	Cát Lái	FOB
Ván MDF (15*1220*2440)mm	250	183,0	Đài Loan	Cát Lái	C&F
Ván PB (9 mm x 1830mm x 2440mm)	296	195,0	Thái Lan	Cont Spite	C&F
Ván plywood (189*260*18)mm	3	340,0	Trung Quốc	Cát Lái	FOB

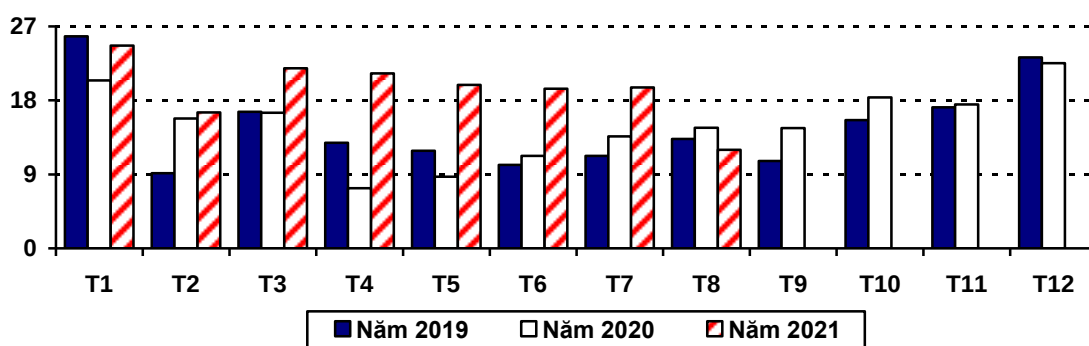
Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ dùng để tham khảo

Tháng 8/2021, xuất khẩu gồm sứ mỹ nghệ giảm mạnh

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu gồm sứ mỹ nghệ trong tháng 7/2021 đạt 19,55 triệu USD, tăng 0,8% so với tháng 6/2021 và tăng 43,7% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung trong 7 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu gồm sứ mỹ nghệ đạt 143,22 triệu USD, tăng 51,5% so với cùng kỳ năm 2020.

Tháng 8/2021, dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp trên cả nước đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Ước tính, xuất khẩu gồm sứ mỹ nghệ trong tháng 8/2021 đạt 12 triệu USD, giảm 38,6% so với tháng 7/2021 và giảm 18,1% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung trong 8 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu gồm sứ mỹ nghệ đạt 155,22 triệu USD, tăng 42,1% so với cùng kỳ năm 2020.

Tình hình xuất khẩu gồm sứ mỹ nghệ qua các tháng (triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan – tháng 8/2021 là số liệu ước tính

Mặt hàng xuất khẩu chính

- Theo thống kê, kim ngạch xuất khẩu chậu gốm sứ trong tháng 7/2021 đạt 12,56 triệu USD, giảm 8,2% so với tháng 6/2021; tăng 46,5% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung trong 7 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu chậu gốm sứ đạt 104,39 triệu USD, tăng 55,1% so với cùng kỳ năm 2020.

Chậu gốm sứ được xuất khẩu sang 4 thị trường chính là Mỹ, EU, Anh và Australia. Tháng 7/2021, xuất khẩu chậu gốm sứ sang thị trường Mỹ, EU và Australia giảm so với tháng 6/2021; ngược lại, xuất khẩu sang thị trường Anh tăng mạnh 44,4% so với tháng 6/2021. Tính chung trong 7 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu chậu gốm sứ sang 4 thị trường trên đều tăng so với cùng kỳ năm 2020: Mỹ tăng 48,2%; EU tăng 50,3%; Anh tăng 123,8%; Australia tăng 18,7%.

- Tháng 7/2021, xuất khẩu gốm sứ trang trí đạt 3,57 triệu USD, tăng 10,9% so với tháng 6/2021; tăng 115,3% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung trong 7 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu gốm sứ trang trí đạt 23,86 triệu USD, tăng 93,6% so với cùng kỳ năm 2020.

Tháng 7/2021, xuất khẩu gốm sứ trang trí sang EU đạt 2,07 triệu USD, tăng 15,5% so với tháng 6/2021; ngược lại, xuất khẩu sang Mỹ giảm tháng thứ 2 liên tiếp, đạt 714 nghìn USD, giảm 23,4% so với tháng 6/2021. Tính chung trong 7 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu gốm sứ trang trí sang EU đạt 10,31 triệu USD, tăng 50,2% so với cùng kỳ năm 2020; sang Mỹ đạt 9,22 triệu USD, tăng 255,9%.

- Xuất khẩu gốm sứ gia dụng trong tháng 7/2021 đạt 864,5 nghìn USD, giảm

40,1% so với tháng 6/2021; giảm 23,5% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung trong 7 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu gốm sứ gia dụng đạt 5,92 triệu USD, giảm 5,9% so với cùng kỳ năm 2020.

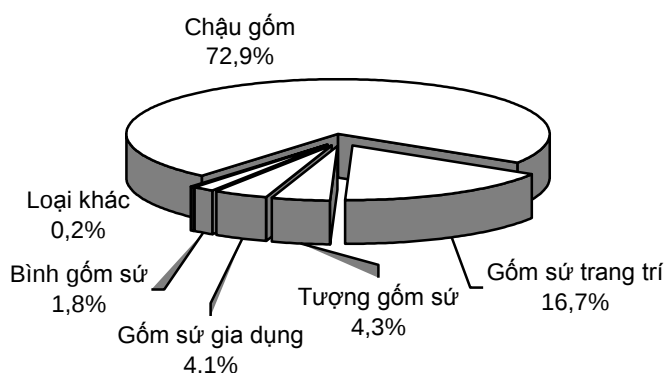
7 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu gốm sứ gia dụng giảm chủ yếu là do xuất khẩu sang thị trường EU giảm mạnh, đạt 1,64 triệu USD, giảm 44,3% so với cùng kỳ năm 2020.

- Tháng 7/2021, xuất khẩu tượng gốm sứ đạt 1,97 triệu USD, tăng 265,6% so với tháng 6/2021; tăng 0,6% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung trong 7 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu tượng gốm sứ đạt 5,92 triệu USD, giảm 5,9% so với cùng kỳ năm 2020.

Tượng gốm sứ chủ yếu được xuất khẩu sang thị trường EU, đạt 1,84 triệu USD trong tháng 7/2021, tăng 342,4% so với tháng 6/2021. Tính chung trong 7 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu tượng gốm sứ sang EU đạt 5,04 triệu USD, tăng 0,5% so với cùng kỳ năm 2020.

Cơ cấu mặt hàng gốm sứ mỹ nghệ xuất khẩu trong 7 tháng đầu năm 2021

(% tính theo kim ngạch)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Thị trường nhập khẩu

- Thị trường EU: Tháng 7/2021, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ sang EU đạt 6,82 triệu USD, tăng 12,1% so với tháng 6/2021 và tăng 30,8% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 7 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ sang EU đạt 42,11 triệu USD, tăng 33,3% so với cùng kỳ năm 2020.

Tháng 7/2021, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ sang Bỉ tăng mạnh – là thị trường thuộc EU nhập khẩu nhiều nhất mặt hàng này của Việt Nam trong tháng, đạt 1,78 triệu USD, tăng 870,3% so với tháng 6/2021; tăng 2.000% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung trong 7 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ sang Bỉ đạt 3,34 triệu USD, tăng 102,3% so với cùng kỳ năm 2020.

Ngược lại, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ sang thị trường Hà Lan, Pháp trong tháng 7/2021 giảm so với tháng 6/2021. Nhưng tính chung trong 7 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ sang 2 thị trường này tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2020: thị trường Hà Lan tăng 29,1%, thị trường Pháp tăng 50,0%.

Tháng 7/2021, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ sang EU tăng chủ yếu là do xuất khẩu tượng gốm sứ và gốm sứ trang trí tăng so với tháng 6/2021, lần lượt tăng 342,4% và 15,5%. Ngược lại, xuất khẩu chậu gốm sứ sang EU giảm 22,9% so với tháng 6/2021. Tính chung trong 7 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu chậu gốm sứ, gốm sứ trang trí và tượng gốm sứ sang EU đều tăng so với cùng kỳ năm 2020: chậu gốm sứ tăng 50,3%,

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

gồm sứ trang trí tăng 50,2%, tượng gốm sứ tăng 0,5%.

- Thị trường Mỹ: Xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ sang Mỹ trong tháng 7/2021 đạt 5,07 triệu USD, giảm 18,8% so với tháng 6/2021; nhưng tăng 54,9% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung trong 7 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ sang Mỹ đạt 54,36 triệu USD, tăng 63,9% so với cùng kỳ năm 2020.

Tháng 7/2021, xuất khẩu hầu hết các chủng loại gốm sứ mỹ nghệ sang Mỹ đều giảm so với tháng 6/2021: chậu gốm sứ giảm 16,9%, gốm sứ trang trí giảm 23,4%, gốm sứ gia dụng giảm 76,5%, tượng gốm sứ giảm 28,8%.

Tính chung trong 7 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu chậu gốm sứ sang Mỹ đạt 42,25 triệu USD, tăng 48,2% so với cùng kỳ năm 2020; gốm sứ trang trí đạt 9,22 triệu USD, tăng 255,9%, bình gốm sứ đạt 1,14 triệu USD, tăng 74,2%; gốm sứ gia dụng đạt 984 nghìn USD, tăng 70,8%.

Thị trường nhập khẩu gốm sứ mỹ nghệ của Việt Nam trong tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2021

Thị trường	Tháng 7/2021 (nghìn USD)	So với tháng 6/2021 (%)	So với tháng 7/2020 (%)	7 tháng năm 2021 (nghìn USD)	So với 7 tháng năm 2020 (%)	Tỷ trọng 7 tháng (%)	
						Năm 2021	Năm 2020
Tổng	19.550	0,8	43,7	143.221	51,5	100,0	100,0
EU	6.815	12,1	30,8	42.110	33,3	29,4	33,4
<i>Hà Lan</i>	1.149	-2,4	-36,1	10.566	29,1	7,4	8,7
<i>Pháp</i>	1.173	-26,7	9,0	6.845	50,0	4,8	4,8
<i>Italia</i>	1.130	33,8	47,3	5.050	-2,5	3,5	5,5
<i>Đức</i>	516	100,1	24,1	4.610	29,8	3,2	3,8
<i>Đan Mạch</i>	299	75,5	31,3	4.132	50,7	2,9	2,9
<i>Bỉ</i>	1.776	870,3	2.000,5	3.340	102,3	2,3	1,7
<i>Thụy Điển</i>	418	-39,3	137,8	2.179	64,4	1,5	1,4
<i>Ba Lan</i>	162	-34,6	-68,2	1.675	-17,8	1,2	2,2
<i>Tây Ban Nha</i>	92	-65,3	12,9	1.361	19,3	1,0	1,2
<i>Ai Len</i>	33	-91,2	-	1.019	221,7	0,7	0,3
<i>Rumani</i>	0	-100,0	-100,0	349	141,9	0,2	0,2
...							
Mỹ	5.065	-18,8	54,9	54.361	63,9	38,0	35,1
Anh	4.099	53,8	139,8	21.579	108,8	15,1	10,9
Australia	1.792	-6,2	-4,9	9.503	18,7	6,6	8,5
Canada	126	-47,2	154,7	3.477	79,9	2,4	2,0
Nhật Bản	238	-37,9	2,4	3.015	-4,2	2,1	3,3
Hàn Quốc	127	-62,3	61,6	1.301	29,9	0,9	1,1
New Zealand	460	797,3	53,0	1.183	28,1	0,8	1,0
Chilê	49	-83,5	-56,6	801	51,3	0,6	0,6
UAE	88	-20,2	59,5	561	71,1	0,4	0,3
Ả Rập Xê út	11	-92,3	-	507	215,4	0,4	0,2
Braxin	89	-5,7	350,6	447	21,1	0,3	0,4
Kô-eot	80	-56,3	-	398	1.601,7	0,3	0,0
Na Uy	12	-23,3	-79,9	364	76,5	0,3	0,2
Trung Quốc	107	190,9	125,8	331	15,1	0,2	0,3

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu hàng gốm sứ mỹ nghệ trong kỳ

(Từ 17/8/2021 đến 30/8/2021)

Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ trong kỳ từ 17/8/2021 đến 30/8/2021 đạt 5,22 triệu USD, giảm 14,3% so với kỳ trước. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu chậu gốm sứ đạt 3,53 triệu USD, giảm 11,1%; gốm sứ trang trí đạt 969,02 nghìn USD, giảm 27,5%; gốm sứ gia dụng đạt 446,3 nghìn USD, tăng 1,1%.

Trong kỳ vừa qua, chỉ có 1 thị trường nhập khẩu gốm sứ mỹ nghệ của Việt Nam đạt kim ngạch trên 1 triệu USD là Mỹ với 1,65 triệu USD, tăng 2,5% so với kỳ trước. Xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ sang thị trường Anh đạt 806,4 nghìn USD, tăng 0,7%; sang thị trường Australia đạt 553,4 nghìn USD, giảm 19,0%; sang thị trường Italia đạt 400 nghìn USD, tăng 405,1% so với kỳ trước đó.

Một số lô hàng xuất khẩu đạt giá cao trong kỳ vừa qua như: Chậu gốm Bộ 2 (94x68;60x43)cm xuất khẩu sang thị trường Ả Rập Xê út có giá 221,1 USD/bộ (FOB cảng Cát Lái); Chậu gốm bộ 3 Size (Ceramic Pots/ D92 H46/ D72 H36/ D56 H26 cm) xuất khẩu sang thị trường Braxin có giá 159,7 USD/bộ (FOB cảng Cát Lái); Thác nước bằng gốm bộ 2 (60 x 60 x 113)cm; (85 x 85 x 25)cm xuất khẩu sang thị trường Australia có giá 120,4 USD/bộ (FOB cảng Phước Long); Chậu gốm bộ 2 (D49H96cm) xuất khẩu sang thị trường Mỹ có giá 110,0 USD/bộ (FOB cảng Transimex)...

Một số lô hàng gốm sứ mỹ nghệ xuất khẩu trong kỳ (Giá: FOB)

Thị trường	Tên hàng	ĐVT	Lượng	Giá (USD)	Cảng, cửa khẩu
Đài Loan	Bộ 2 bình hoa bằng sứ HD510, Kích thước: đường kính 30cm, cao 90cm	Bộ	30	20,0	Hà Nội
	Chậu sứ đã đục lỗ dùng để trồng cây, đường kính 40cm, cao 30cm	Cái	100	5,0	Hà Nội
Đức	Chậu gốm bộ 5 tròn (50*46; 40.5*37.5; 32.5*31; 26.7*25; 20.5*19.5)cm	Bộ	50	46,2	Cát Lái
	Đĩa gốm tròn có chân rời (43*7; 27*54)cm	Bộ	156	23,0	Cát Lái
	Tượng đất nung (32x32 cm)	Cái	52	16,7	Transimex
	Bát bằng sứ dùng trong nhà bếp, KT: 23x21x7 cm	Cái	1.512	8,1	Cái Mép
	Banh đất nung (23 cm)	Cái	78	6,7	Transimex
Anh	Chậu gốm bộ 5 tròn (50*46; 41*38; 33*31; 27*25; 20*19.5)cm	Bộ	225	46,2	Transimex
	Đĩa gốm tròn có chân rời (37.2*6; 23*42.5)cm	Bộ	320	13,8	Transimex
Australia	Thác nước bằng gốm bộ 2 (60 x 60 x 113)cm;(85 x 85 x 25)cm.	Bộ	52	120,4	Phước Long
	Chậu gốm (56x113) cm	Cái	6	111,5	Cát Lái
	Bình gốm trang trí (70x70x66)cm	Cái	37	108,0	Phước Long
	Chậu gốm trang trí bộ 3 (95x95x80)cm,(69x69x60)cm,(41 x 41 x 35)cm	Bộ	85	86,6	Phước Long
	Bình gốm trang trí (85x20)cm	Cái	25	53,0	Cát Lái
	Chậu Gốm S/2 (D63/46,H62/47 cm)	Bộ	32	23,0	Cát Lái
	Chậu gốm bộ 5 (L61/50/40/31/25xH51/43/33/27/22cm)	Bộ	96	22,0	Cát Lái
	Khay bằng sứ dùng trong nhà bếp, KT: 32x13x1.5 cm	Cái	200	7,0	Hải Phòng
Bỉ	Chậu gốm đất nung Kích thước: 55x55x46; 45x45x46; 34x34x46 cm	Bộ	221	22,0	Cát Lái
Braxin	Chậu gốm bộ 3 Size (Ceramic Pots/ D92 H46/ D72 H36/ D56 H26 Cm)	Bộ	4	159,7	Cát Lái
	Chậu gốm bộ 4 Size (Ceramic Pots/ D70 H56/ D56 H47/ D46 H40/ D37 H35 Cm)	Bộ	23	111,5	Cát Lái
Canada	Chậu bằng gốm bộ 4 (30/25/20/14 x 30/25/20/14 x H30/25/20/13cm)	Bộ	1.476	16,0	Phước Long
	Chậu gốm màu xám bộ 3 D46H27cm	Bộ	850	11,4	Cát Lái
CH Dominica	Chậu gốm bộ 4, KT: 36x36x16 cm, 30x30x15 cm, 25x25x13 cm , 20x20x11 cm	Bộ	240	8,1	Phước Long
	Chậu gốm bộ 3, KT : 30x30x21 cm , 23x23x17 cm , 17x17x13 cm	Bộ	300	7,9	Phước Long
Ấn Độ	Chậu gốm Bộ 4 (60x50;50x40;40x30;30x20) cm ,1 bộ = 4 cái	Bộ	8	81,5	Cát Lái
	Chậu gốm Bộ 3 (55x70;45x55;35x44) cm ,1 bộ = 3 cái	Bộ	48	77,4	Cát Lái

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Tên hàng	ĐVT	Lượng	Giá (USD)	Cảng, cửa khẩu
	Chậu gốm Bộ 2 (60x70;40x45) cm ,1 bộ = 2 cái	Bộ	12	77,3	Cát Lái
	Bình gốm dùng để trang trí trong nhà(1218317)-D12.2" H20.67"cm	Cái	28	22,4	Cát Lái
Hà Lan	Chậu đất nung (56x47+45x38+35x29+26x21 cm)	Bộ	192	72,5	Transimex
	Đĩa bằng sứ dùng trong nhà bếp, KT: 25x25x1.8cm	Cái	500	5,2	Cảng Xanh
Hàn Quốc	Chậu gốm (single size: 53*38cm)	Cái	348	18,3	Cát Lái
	Chậu gốm-bộ 2 (size 17*32cm)	Bộ	600	8,3	Cát Lái
	Chậu gốm-bộ 4 (size 18*15cm)	Bộ	192	7,6	Cát Lái
Italia	chậu gốm bộ 3 tròn (37*25.5; 26.5*19; 18*13)cm mới 100%; Mã hàng: 32M426, không nhãn hiệu	Bộ	684	15,1	Cát Lái
	Bộ những thiên thần bằng gốm DISPLAY ANGELI 2021 (Ba Thiên thần KT:6.46cmx4.37cmx5.84cm;Ba thiên thần KT:6.74cmx4.27cmx5.89cm;Ba thiên thần KT:6.46cmx4.37cmx5.84cm)	Bộ	200	14,3	Tân Vũ
	Lọ hoa sơn mài cốt tre, kích thước (25x13x75)cm	Cái	120	14,0	Cảng Xanh
	Chiếc bình hoa bằng gốm sứ, KT: 20.15cm x 21.7cm x 26.2cm	Cái	288	8,5	Tân Vũ
	Đĩa gốm bộ 3 tròn (32*4; 25*3.5; 23*3.5)cm	Bộ	88	7,3	Cát Lái
	Ấm trà gốm code 40004121, kích thước CM 12xH 15	Cái	90	6,8	Đình Vũ
Mỹ	Chậu gốm bộ 2 (D49H96cm)	Bộ	30	110,0	Transimex
	Chậu gốm bộ 4 (45x55, 39x 48, 55x60, 60x65)cm	Bộ	50	76,0	Phước Long
	Bộ ly kem 11cm làm bằng sứ	Bộ	16	68,1	Cát Lái
	Tách cà phê 0.20 L / dliót 15 cm làm bằng sứ	Bộ	16	53,3	Cát Lái
	Thú trang trí bằng gốm (45x45)cm	Cái	57	37,9	Phước Long
	Chậu trồng cây bằng gốm. kích thước: cao 50cm đường kính 60 cm. 1 bộ gồm 3 cái	Bộ	300	26,7	Transimex
	Đĩa gốm tròn có chân rời (43*6.5; 27.5*51)cm	Bộ	636	19,8	Phước Long
	Hộp dưỡng sinh vuông đựng thực phẩm 15 cm + nắp làm bằng sứ	Cái	60	16,4	Cát Lái
	Bình gốm trang trí (L82xW82xH87)cm	Cái	241	15,0	Cát Lái
Myanma	Thố 22 cm + nắp (Jasmine Lys-Trắng ngà) làm bằng sứ	Cái	112	9,4	Cát Lái
	Bình trà 1.1 L + nắp (Jasmine Lys-Trắng ngà) làm bằng sứ	Cái	120	5,2	Cát Lái
New Zealand	Chậu gốm bộ 3 tròn (37*47; 30*37.5; 22.5*28)cm	Bộ	27	37,8	Cát Lái
	Đĩa gốm tròn có chân rời (47*10; 29.5*58.5)cm	Bộ	85	28,4	Cát Lái
	Lọ hoa bằng sứ, KT: 24x24x23 cm	Cái	120	17,5	Đình Vũ
	Đồ trang trí gốm hình con rồng 3 khúc (18.5*14*25.5; 27.5*10*21; 17*10*18.5)cm	Bộ	96	11,2	Cát Lái
Nhật Bản	Chậu Gốm S/2,(D42/32,H40/30 cm)(	Bộ	36	15,4	Cát Lái
	Chậu Gốm S/3, nhãn hiệu 5260/53/46,(D44/33/24,H34/26/21 cm)	Bộ	144	13,9	Cát Lái
Pháp	Chậu gốm bộ 3 tròn (39*32; 30*27; 23*20)cm	Bộ	1.512	20,1	Phước Long
	Chậu gốm bộ 2 tròn (36*15; 30*12)cm	Bộ	1.512	10,5	Phước Long
	Đĩa gốm bộ 3 tròn (32*4; 25*3.5; 23*3.5)cm	Bộ	432	8,1	Phước Long
Tây Ban Nha	Chậu đất nung bộ 6 , kích thước (72X60) cm	Bộ	8	93,4	Cát Lái
	Chậu đất nung bộ 3, kích thước (86x42x36) cm	Bộ	30	60,1	Cát Lái

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ sử dụng để tham khảo)

THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

Indonesia kỳ vọng trở thành quốc gia dẫn đầu ngành công nghiệp đồ nội thất và hàng thủ công mỹ nghệ ở ASEAN

Theo nguồn Bisnis.com, ngành nội thất và thủ công mỹ nghệ của Indonesia đạt được kết quả xuất khẩu tốt trong nửa đầu năm 2021. Tuy nhiên, xuất khẩu đồ nội thất tăng thì nhập khẩu đồ nội thất cũng tăng theo. Theo Hiệp hội Công nghiệp Thủ công và Nội thất Indonesia (HIMKI) trong nửa đầu năm 2021, trị giá xuất khẩu đồ nội thất và thủ

công mỹ nghệ của Indonesia tăng 35,4% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó trị giá xuất khẩu các sản phẩm nội thất tăng 39,9% và sản phẩm thủ công mỹ nghệ tăng 24,8% so với cùng kỳ năm 2020. Xuất khẩu hàng đồ nội thất và hàng thủ công mỹ nghệ tới thị trường Mỹ chiếm 50,2% tổng trị giá xuất khẩu; tiếp theo là Nhật Bản chiếm 7,4%, Hà Lan chiếm 5,3%; Đức chiếm 4,3%.

Trong khi đó, trị giá nhập khẩu đồ nội thất trong nửa đầu năm 2021 tăng 36,3% và nhập khẩu hàng thủ công mỹ nghệ cũng tăng 20,8% so với cùng kỳ năm 2020. Trị giá nhập khẩu của hai mặt hàng này tăng 29,1% so với cùng kỳ năm 2020. Indonesia nhập khẩu đồ nội thất và hàng thủ công mỹ nghệ chủ yếu từ thị trường Trung Quốc, với trị giá chiếm 76,9% tổng trị giá nhập khẩu đồ nội thất và hàng thủ công mỹ nghệ của Indonesia.

Hiệp hội Công nghiệp Thủ công và Nội thất Indonesia đã xây dựng chính sách ngoại giao với các đối tác khác nhau để đối phó với các vấn đề về tình trạng khan hiếm nguyên liệu mây và đảm bảo nguồn cung cấp gỗ.

Một số hoạt động đang diễn ra nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động của ngành là triển lãm ảo, đào tạo về mua sắm hàng hóa thân thiện với môi trường cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đồ nội thất được cấp phép SVLK.

HIMKI cũng đang làm cầu nối cho các doanh nghiệp trong ngành bằng cách phát triển Ứng dụng di động theo yêu cầu kinh doanh của HIMKI, chuẩn bị cho tài liệu Kế hoạch chiến lược lớn HIMKI (GSP HIMKI) 2021-2024, một chương trình thành lập trung tâm vật liệu, cũng như một số triển lãm có thể được tổ chức tại các trung tâm mua sắm.

HIMKI lạc quan rằng ngành công nghiệp này sẽ tiếp tục tăng trưởng. Với tiềm năng về tài nguyên thiên nhiên và con người được quản lý hợp lý, Indonesia có thể trở thành quốc gia dẫn đầu ngành công nghiệp đồ nội thất và hàng thủ công mỹ nghệ ở ASEAN.

Tỷ lệ tiêm vắc xin ở Malaysia đã tăng lên và nhà máy sản xuất đồ nội thất sẽ sớm hoạt động trở lại

Theo nguồn wood365.cn, theo quy định mới nhất của Malaysia, các nhà máy sản xuất đồ nội thất có thể hoạt động trở lại dựa trên tỷ lệ tiêm phòng của công nhân. Cụ thể, nếu trên 80% số lao động của công ty được tiêm vắc xin thì được tiếp tục làm việc với 100% năng lực sản xuất, nếu từ 60% đến 79% số lao động được tiêm vắc xin thì công ty sẽ tiếp tục làm việc ở mức 80% công suất; 40% đến 59% nhân viên đã được tiêm phòng thì công ty sẽ hoạt động trở lại với 60% năng lực sản xuất.

Giờ đây, nhiều công ty nội thất có số lượng nhân viên đã được tiêm hai liều vắc xin, đang đề nghị chính quyền địa phương cho phép hoạt động trở lại ngay để duy trì khả năng cạnh tranh trên thị trường toàn cầu.

Theo Chủ tịch Hiệp hội các nhà sản xuất và buôn bán đồ nội thất ở bang Johor, một số ít công nhân từ các công ty nội thất lớn đã hoàn thành đợt tiêm hai liều thuốc, trong khi hầu hết công nhân từ các công ty khác đã được tiêm mũi đầu tiên.

Theo quy định giãn cách mới nhất của Malaysia, người lao động không cần phải đợi 14 ngày trước khi đi làm sau khi tiêm phòng đầy đủ. Do đó, các nhà sản xuất cũng gặp khó khăn trước quy định của Hội đồng thành phố Muar là sau khi tiêm vắc xin, phải đợi 14 ngày sau mới có thể tiếp tục công việc.

Chủ tịch Hiệp hội Nội thất Muar đã đề nghị các cơ quan chức năng cho phép

ngành nội thất hoạt động trở lại vì ngoài nhu cầu giải quyết các đơn hàng tồn đọng, các doanh nghiệp trong ngành còn phải nỗ lực để thu hút khách hàng trở lại.

Nhiều khách hàng trong nước và quốc tế đã hủy đơn đặt hàng đồ nội thất vì ngành sản xuất không được phép hoạt động do tác động bởi dịch Covid-19. Hiện nay, tỷ lệ tiêm chủng trong ngành này đang tăng dần lên, vì vậy các doanh nghiệp kỳ vọng hoạt động của ngành trở lại càng sớm càng tốt để tránh mất thêm khách hàng vào các thị trường khác.

THAM KHẢO

Mỹ gia hạn thời gian ban hành kết luận vụ việc điều tra chống lẩn tránh thuế đối với sản phẩm gỗ dán cứng từ Việt Nam

Theo Cục Phòng vệ thương mại Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã thông báo gia hạn thời gian điều tra vụ việc điều tra chống lẩn tránh thuế đối với sản phẩm gỗ dán cứng từ Việt Nam.

Theo đó, cơ quan này dự kiến sẽ ban hành kết luận điều tra vào ngày 24 tháng 11 năm 2021 đối với nội dung điều tra về phạm vi sản phẩm và ngày 20 tháng 4 năm 2022 đối với nội dung điều tra lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, DOC đã khởi xướng điều tra chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp đối với sản phẩm gỗ dán cứng của Việt Nam. Trong vụ việc này, DOC điều tra 02 nội dung cụ thể:

(1) Điều tra về phạm vi sản phẩm (scope inquiry): để xác định gỗ dán cứng nhập khẩu từ Việt Nam vào Hoa Kỳ có thuộc phạm vi sản phẩm bị áp thuế hay không, DOC sẽ xem xét 5 yếu tố trong quá trình sản xuất gỗ dán cứng của các nhà xuất khẩu, bao gồm: (i) mức độ đầu tư của các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu; (ii) mức độ đầu tư vào nghiên cứu và phát triển sản phẩm; (iii) quá trình sản xuất tại Việt Nam; (iv) quy mô của các cơ sở sản xuất tại Việt Nam; và (v) phần giá trị gia tăng của sản phẩm được thực hiện ở Việt Nam.

(2) Điều tra lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại (anticircumvention): Mục tiêu điều tra chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại của Mỹ là để đảm bảo hiệu lực thực thi các biện pháp phòng vệ thương mại đang áp dụng với gỗ dán cứng của Trung Quốc. Do đó, trong trường hợp các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu gỗ dán của Việt Nam chứng minh được mình không lẩn tránh biện pháp Phòng vệ thương mại mà Mỹ đang áp dụng đối với Trung Quốc sẽ không bị áp dụng thuế chống lẩn tránh.

Trong thời gian vừa qua, Bộ Công Thương và các Bộ, ngành liên quan đã phối hợp trả lời các bản câu hỏi do DOC đưa ra để xác minh làm rõ vụ việc, đồng thời cũng có các hình thức trao đổi, đối thoại để phía Mỹ hiểu rõ về ngành sản xuất, chế biến gỗ của Việt Nam. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam cũng đã hợp tác với DOC để chứng minh hoạt động sản xuất, xuất khẩu của mình không nhằm lẩn tránh thuế phòng vệ thương mại của Mỹ.

Mới đây, ngày 24 tháng 8 năm 2021, DOC đã thông báo gia hạn thời gian điều tra vụ việc. Theo đó, cơ quan này dự kiến sẽ ban hành kết luận điều tra vào ngày 24 tháng 11 năm 2021 (đối với nội dung điều tra về phạm vi sản phẩm) và ngày 20 tháng 4 năm 2022 (đối với nội dung điều tra lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại). Đây là lần thứ hai DOC gia hạn thời gian điều tra vụ việc. Trước đó, ngày 11 tháng 3 năm 2021, DOC đã gia hạn thời gian ban hành kết luận điều tra đến ngày 24 tháng 8 năm 2021.

Để đảm bảo lợi ích chính đáng của các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu sản phẩm gỗ dán cứng sang Mỹ, Cục Phòng vệ thương mại khuyến nghị các doanh nghiệp:

- Tiếp tục theo dõi sát diễn biến vụ việc, thường xuyên cập nhật thông tin từ DOC, Cục Phòng vệ thương mại và đối tác nhập khẩu tại Mỹ;
- Hợp tác đầy đủ với DOC trong quá trình điều tra;
- Liên hệ với Cục Phòng vệ thương mại để nhận được sự hỗ trợ kịp thời.

Đồng thời, Bộ Công Thương cũng sẽ tiếp tục theo dõi sát vụ việc, phối hợp với các bên liên quan làm việc với các cơ quan của Mỹ nhằm đảm bảo vụ việc được điều tra một cách khách quan, công bằng với các doanh nghiệp của Việt Nam.

Các doanh nghiệp cần tìm hiểu thêm thông tin hoặc cần hỗ trợ, đề nghị liên hệ: Phòng Xử lý phòng vệ thương mại nước ngoài, Cục Phòng vệ thương mại, Bộ Công Thương, 23 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Điện thoại: 024.7303.7898 (máy lẻ 106). Email: dungnd@moit.gov.vn; linhngt@moit.gov.vn.

Ai Cập sẽ áp dụng Hệ thống thông quan điện tử một cửa từ ngày 1/10/2021

Thương vụ Việt Nam tại Ai Cập đã nhận được tài liệu chính thức của Bộ Tài chính Ai Cập giải đáp về Hệ thống thông quan điện tử một cửa (ACI) sẽ được Hải quan áp dụng từ ngày 01/10/2021, kéo dài thêm 3 tháng so với thời điểm dự kiến ban đầu từ 01/07/2021.

Theo Thương vụ Việt Nam tại Ai Cập, nhằm tự động hóa quy trình hải quan, đơn giản hóa thủ tục và giảm thời gian thông quan, Ai Cập đang áp dụng thử nghiệm Hệ thống thông quan điện tử một cửa mới (ACI system) theo Nghị định số 38/2021 của Bộ Tài chính. Theo đó hàng hóa phải được đăng ký trên hệ thống điện tử ít nhất 48 giờ trước khi vận chuyển từ nước xuất khẩu.

Đối tượng bị điều chỉnh bởi quy định này là các công ty xuất nhập khẩu, dịch vụ thông quan và công ty vận chuyển đường biển/hàng không. Do đó doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu sang thị trường cần phối hợp với đối tác nhập khẩu và hãng vận tải trong khai báo thông tin theo đúng quy định. Thông tin chi tiết về hệ thống ACI được đăng tải chính thức tại địa chỉ: <https://www.nafeza.gov.eg>.

Trước đó, Bộ Tài chính nước này cho biết Hệ thống một cửa được quản lý bởi công ty Dịch vụ Công nghệ Misr (MTS) sẽ được triển khai chính thức từ ngày 01/7/2021. Khi đó hàng hóa vận chuyển vào Ai Cập bắt buộc phải thông qua hệ thống ACI. Bộ trưởng Tài chính cũng chỉ đạo cơ quan Hải quan cấm thông quan bất kỳ hàng hóa nào không đăng ký trước qua hệ thống ACI kể từ ngày 01/7/2021. Tuy nhiên thời hạn áp dụng Hệ thống quản lý này được kéo dài thêm 3 tháng, bắt đầu từ ngày 1/10/2021.

Toàn bộ tài liệu chính thức nêu trên (bản tiếng Anh) được chia sẻ tại: ACI (Educational Material).

Do thời điểm Hải quan Ai Cập chính thức áp dụng sắp đến, Thương vụ khuyến cáo doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu sang thị trường nhanh chóng nghiên cứu tài liệu và đăng ký tài khoản (trên trang web chính thức NAFERA) cũng như phối hợp với đối tác nhập khẩu để có thể thử nghiệm trước hệ thống.

Bản tin Thông tin Thương mại chuyên ngành **Sản phẩm gỗ & Hàng TCMN**

Giấy phép xuất bản: **54/GP-XBBT** do Cục Báo chí cấp ngày 11 tháng 8 năm 2020

Kỳ hạn xuất bản: **Hàng tuần**

In tại: **Hà Nội**